

**TỈNH BẮC GIANG**  
**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

**Mã số dự án: 9987994534**

**Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 10 năm 2019**

**Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: Ngày 10 tháng 11 năm 2023**

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ tư ngày 24/11/2022;*

*Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy CNĐKĐT của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam nộp ngày 06/11/2023,*

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG**  
**CHỨNG NHẬN**

**Điều 1. Nhà đầu tư**

**1. Tên nhà đầu tư:** CÔNG TY HỮU HẠN CỔ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT NGUYÊN LIỆU MỚI NHUẬN DƯƠNG CHIẾT GIANG.

Giấy phép kinh doanh số: 91330500056855710M do Cục quản lý và giám sát thị trường thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, cấp ngày: 31/10/2012

Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, đại lộ Trường Hưng, thị trấn Lý Gia Hạng, huyện Trường Hưng, thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tel: +86-572-6780573

**2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư**

Họ và tên: WANG, GUANGHAI; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04/5/1979

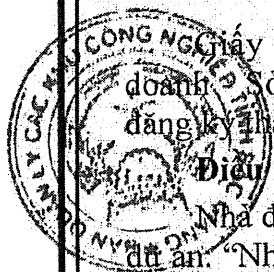
Quốc tịch: Trung Quốc; Chức vụ: Tổng Giám đốc; Số hộ chiếu: EJ6568928

Cấp ngày: 02/12/2022; Nơi cấp: Cục quản lý di dân quốc gia – Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Số 548-3897, đường Ngạc Thiêm, huyện Trúc Khê, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

**3. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM.



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400874687 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13/7/2022.

## **Điều 2. Nội dung dự án đầu tư**

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh thông tin nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự án. “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKĐT, mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ tư ngày 24/11/2022 như sau:

**1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

**2. Địa điểm thực hiện dự án:** Một phần lô K (K1-7), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**3. Diện tích đất sử dụng:** 33.325,8 m<sup>2</sup>.

**4. Mục tiêu và quy mô của dự án đầu tư**

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Quy mô	
			ĐVT/năm	Số lượng
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết:	2220		
	- Sản xuất, gia công tấm đệm lót trải sàn, tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA, tấm nhựa, vật liệu xốp nhựa.		m <sup>2</sup>	70.000.000
	- Sản xuất, gia công màng chít, màng bọc thực phẩm.		Tấn	4.000
	- Sản xuất, gia công vỏ dây cáp điện.		m	300.000.000
2	Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối Bán buôn(không lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 39189011, 39189013, 39189019, 39189090, 39201011, 39201019, 39201090, 39219090, 39211912, 39211969, 39211999.	8299	USD	2.000.000

**5. Tổng vốn đầu tư của dự án:** 509.000.000.000 VNĐ (Năm trăm linh chín tỷ đồng Việt Nam), tương đương với 22.000.000 USD (Hai mươi hai triệu Đô la Mỹ). Vốn đầu tư tăng thêm 2.000.000 USD.

### **5.1 Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư**

- Vốn góp chủ sở hữu: Nhà đầu tư góp bằng tiền mặt trị giá 264.500.000.000 VNĐ tương đương với 11.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 52,27% tổng vốn đầu tư của Dự án.

- Vốn vay và huy động: 244.500.000.000 VNĐ, tương đương 10.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 47,73% tổng vốn đầu tư của Dự án. (Tăng 2.000.000 USD)

### **5.2 Tiến độ thực hiện vốn đầu tư dự án**

- Vốn góp; vốn vay và huy động đã đăng ký: đã thực hiện.

- Vốn vay và huy động tăng thêm (2 triệu USD): 06 tháng kể từ ngày 10/11/2023.

**6. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư:** đến tháng 01/2056.

**7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:** dự án đã đi vào hoạt động.

## **Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư**

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT.

**Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 5.** Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ tư ngày 24/11/2022.

**Điều 6.** Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

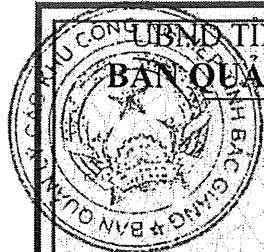
TRƯỞNG BAN



*[Handwritten signature]*  
Đào Xuân Cường







UBND TỈNH BẮC GIANG  
**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

**Mã số dự án: 9987994534**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 10 năm 2019

Chứng nhận thay đổi lần thứ tư: Ngày 24 tháng 11 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ ba ngày 05/5/2022;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam nộp ngày 18/11/2022,

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN**

#### **Điều 1. Nhà đầu tư**

**1. Tên nhà đầu tư:** CÔNG TY HỮU HẠN CỔ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT NGUYÊN LIỆU MỚI NHUẬN DƯƠNG CHIẾT GIANG.

Giấy phép kinh doanh số: 91330500056855710M, cấp ngày: 31/10/2012

Cơ quan cấp: Cục quản lý và giám sát thị trường thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16, đường Trường Lữ, xã Lữ Sơn, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tel: +86-572-6780573

#### **2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư**

Họ và tên: Yang Qing Feng      Giới tính: Nam; Quốc tịch: Trung Quốc

Chức vụ: Tổng Giám đốc      Sinh ngày: 29/3/1976

Số hộ chiếu: EC7032392      Cấp ngày: 10/4/2018

Nơi cấp: Cục quản lý XNC - Bộ công an Trung Quốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Số 3, Đường Chính Nghĩa, khu Ngũ Hoa, thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.



### 3. Tổ chức kinh tế thực hiện Dự án đầu tư

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM.  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400874687 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13/7/2022.

### Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh phương thức góp vốn, tiến độ thực hiện vốn đầu tư của dự án: “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKĐT, mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ ba ngày 05/5/2022 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Runyang Technology Việt Nam.
2. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần lô K (K1-7), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
3. Diện tích đất sử dụng: 33.325,8 m<sup>2</sup>.
4. Mục tiêu của dự án đầu tư: Sản xuất tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA.
5. Quy mô của dự án đầu tư: 70.000.000 m<sup>2</sup>/năm ổn định.
6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 460.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi tỷ đồng Việt Nam), tương đương với 20.000.000 USD (Hai mươi triệu Đô la Mỹ).
- 6.1 Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư
  - Vốn góp chủ sở hữu: Nhà đầu tư góp bằng tiền mặt trị giá 264.500.000.000 VNĐ tương đương với 11.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 57,5% tổng vốn đầu tư của Dự án.
  - Vốn vay và huy động: 195.500.000.000 VNĐ, tương đương 8.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 42,5% tổng vốn đầu tư của Dự án.
- 6.2 Tiến độ thực hiện vốn đầu tư dự án
  - Vốn góp chủ sở hữu 5 triệu USD lần đầu: đã thực hiện.
  - Vốn góp chủ sở hữu tăng thêm (6,5 triệu USD), trong đó: số vốn 1.166.534,61 USD đã thực hiện; số vốn 5.333.465,39 USD: 07 tháng kể từ tháng 5/2022.
  - Vốn vay và huy động: đã thực hiện.

7. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư: đến tháng 01/2056.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: dự án đã đi vào hoạt động.

### Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT.

### Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng

nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 5.** Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ ba ngày 05/5/2022.

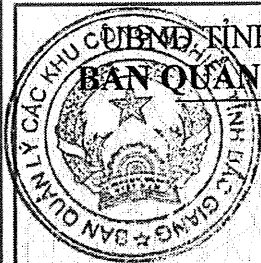
**Điều 6.** Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

**TRƯỞNG BAN**



**Đào Xuân Cường**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

**Mã số dự án: 9987994534**

*Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 10 năm 2019*

*Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: Ngày 05 tháng 5 năm 2022*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/3/2021, thay đổi lần thứ hai ngày 19/5/2021;*

*Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKĐT) của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam, nộp ngày 28/4/2022,*

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN**

#### **Điều 1. Nhà đầu tư**

**1. Tên nhà đầu tư:** CÔNG TY HỮU HẠN CỔ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT NGUYÊN LIỆU MỚI NHUẬN DƯƠNG CHIẾT GIANG.

Giấy phép kinh doanh số: 91330500056855710M, cấp ngày: 31/10/2012

Cơ quan cấp: Cục quản lý và giám sát thị trường thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16, đường Trường Lữ, xã Lữ Sơn, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tel: +86-572-6780573

#### **2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư:**

Họ và tên: Yang Qing Feng      Giới tính: Nam;      Quốc tịch: Trung Quốc

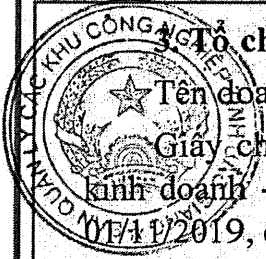
Chức vụ: Tổng Giám đốc      Sinh ngày: 29/3/1976

Số hộ chiếu: EC7032392      Cấp ngày: 10/4/2018

Nơi cấp: Cục quản lý XNC - Bộ công an Trung Quốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Số 3, Đường Chính Nghĩa, khu Ngũ Hoa, thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.





## **1. Tổ chức kinh tế thực hiện Dự án đầu tư:**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400874687 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/11/2019.

## **Điều 2. Nội dung dự án đầu tư**

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh phương thức góp vốn, giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư của dự án: “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKĐT, mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ hai ngày 19/5/2021 như sau:

**1. Tên dự án đầu tư:** Nhà máy Runyang Technology Việt Nam.

**2. Địa điểm thực hiện dự án:** Một phần lô K (K1-7), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**3. Diện tích đất sử dụng:** 33.325,8 m<sup>2</sup>.

**4. Mục tiêu của dự án đầu tư:** Sản xuất tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA.

**5. Quy mô của dự án đầu tư:** 70.000.000 m<sup>2</sup>/năm ổn định.

**6. Tổng vốn đầu tư của dự án:** 460.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi tỷ đồng Việt Nam), tương đương với 20.000.000 USD (Hai mươi triệu Đô la Mỹ).

### **6.1 Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư:**

- Vốn góp chủ sở hữu: Nhà đầu tư góp bằng tiền mặt và máy móc thiết bị trị giá 264.500.000.000 VNĐ tương đương với 11.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 57,5% tổng vốn đầu tư của Dự án.

- Vốn vay và huy động: 195.500.000.000 VNĐ, tương đương 8.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 42,5% tổng vốn đầu tư của Dự án.

### **6.2 Tiến độ thực hiện vốn đầu tư dự án:**

- Vốn góp chủ sở hữu 5 triệu USD lần đầu: đã thực hiện.

- Vốn góp chủ sở hữu tăng thêm (6,5 triệu USD), trong đó: góp bằng máy móc, thiết bị trị giá 5.333.465,39 USD: 03 tháng kể từ tháng 5/2022; góp bằng tiền mặt trị giá 1.166.534,61 USD: 06 tháng kể từ tháng 5/2022.

- Vốn vay và huy động còn lại 3,5 triệu USD: 05 tháng kể từ tháng 5/2022.

**7. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư:** đến tháng 01/2056.

**8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:** dự án đã đi vào hoạt động.

## **Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư**

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT.

## **Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định trước khi triển khai Dự án đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi

trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 5.** Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ hai ngày 19/5/2021.

**Điều 6.** Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

**TRƯỞNG BAN**



**Đào Xuân Cường**





UBND TỈNH BẮC GIANG  
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 9987994534

Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 10 năm 2019

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 19 tháng 5 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/3/2021;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKĐT) của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam, nộp ngày 05/5/2021,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG  
CHỨNG NHẬN**

**Điều 1. Nhà đầu tư**

1. Tên nhà đầu tư: CÔNG TY HỮU HẠN CÓ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT NGUYÊN LIỆU MỚI NHUẬN DƯƠNG CHIẾT GIANG.

Giấy phép kinh doanh số: 91330500056855710M, cấp ngày: 31/10/2012

Cơ quan cấp: Cục quản lý và giám sát thị trường thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16, đường Trường Lữ, xã Lữ Sơn, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tel: +86-572-6780573

**2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư:**

Họ và tên: Yang Qing Feng      Giới tính: Nam      Quốc tịch: Trung Quốc

Chức vụ: Tổng Giám đốc      Sinh ngày: 29/3/1976

Số hộ chiếu: EC7032392      Cấp ngày: 10/4/2018

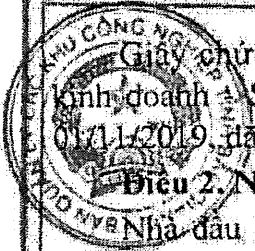
Nơi cấp: Cục quản lý XNC - Bộ công an Trung Quốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Số 3, Đường Chính Nghĩa, khu Ngũ Hoa, thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

**3. Tổ chức kinh tế thực hiện Dự án đầu tư tại Việt Nam:**

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

08  
bản thảo 1



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400874687 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/11/2019.

## **Điều 2. Nội dung dự án đầu tư**

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh giảm vốn đầu tư thực hiện của dự án: "Nhà máy Runyang Technology Việt Nam" kèm theo Giấy CNĐKĐT, mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/3/2021 như sau:

1. Tên Dự án đầu tư: Nhà máy Runyang Technology Việt Nam.
2. Địa điểm thực hiện Dự án: Một phần lô K (K1-7), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
3. Diện tích đất sử dụng: 33.325,8 m<sup>2</sup>.
4. Mục tiêu của Dự án đầu tư: Sản xuất tấm đệm lót trái sần dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA.
5. Quy mô của Dự án đầu tư: 70.000.000 m<sup>2</sup>/năm ổn định. (tăng thêm 50.000.000 m<sup>2</sup>/năm)

6. Tổng vốn đầu tư của Dự án: 460.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi tỷ đồng Việt Nam), tương đương với 20.000.000 USD (Hai mươi triệu Đô la Mỹ). Vốn đầu tư giảm 85.100.000.000 VNĐ tương đương 3.700.000 USD.

### 6.1 Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư:

- Vốn góp chủ sở hữu để thực hiện Dự án: Nhà đầu tư góp bằng tiền mặt 264.500.000.000 VNĐ, tương đương với 11.500.000 USD bằng 100% vốn góp, chiếm tỷ lệ 57,5% tổng vốn đầu tư của Dự án. (Vốn góp giảm 85.100.000.000 VNĐ tương đương 3.700.000 USD)

- Vốn vay và huy động: 195.500.000.000 VNĐ, tương đương 8.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 42,5% tổng vốn đầu tư của Dự án.

### 6.2 Tiến độ thực hiện vốn đầu tư Dự án:

- Vốn góp chủ sở hữu: 03 tháng kể từ ngày 30/10/2019.
- Vốn góp chủ sở hữu tăng thêm (6,5 triệu USD): 06 tháng kể từ ngày 17/3/2021.
- Vốn vay và huy động: 12 tháng kể từ ngày 30/10/2019.

7. Thời hạn hoạt động của Dự án đầu tư: đến tháng 01/2056.

8. Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư: 12 tháng kể từ ngày 30/10/2019, cụ thể:

- Từ tháng thứ 01 đến tháng thứ 03: hoàn thiện thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp, môi trường, xây dựng...;

- Sáu (06) tháng tiếp theo: Khởi công xây dựng và hoàn thiện nhà xưởng và các công trình phụ trợ phục vụ cho dự án;

- Đến tháng thứ 10: Lắp đặt máy móc, thiết bị;

- Đến tháng thứ 12: Tuyển dụng lao động, vận hành chạy thử và đi vào sản xuất.

## **Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với Dự án đầu tư**

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT.

#### **Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện Dự án**

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định trước khi triển khai Dự án đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 5.** Giấy CNDKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNDKĐT mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/3/2021.

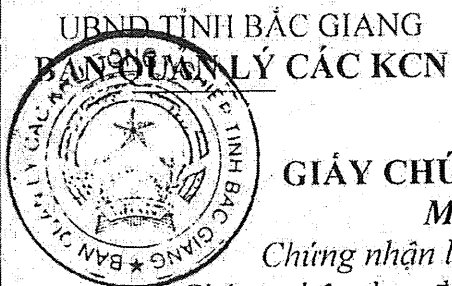
**Điều 6.** Giấy CNDKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



Đào Xuân Cường





UBND TỈNH BẮC GIANG

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9987994534

Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 10 năm 2019

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKDT) của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam, nộp ngày 15/3/2021,

### BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN

#### Điều 1. Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: CÔNG TY HỮU HẠN CỔ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT NGUYÊN LIỆU MỚI NHUẬN DƯƠNG CHIẾT GIANG.

Giấy phép kinh doanh số: 91330500056855710M, cấp ngày: 31/10/2012

Cơ quan cấp: Cục quản lý và giám sát thị trường thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16, đường Trường Lữ, xã Lữ Sơn, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tel: +86-572-6780573

#### 2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư:

Họ và tên: Yang Qing Feng      Giới tính: Nam      Quốc tịch: Trung Quốc

Chức vụ: Tổng Giám đốc      Sinh ngày: 29/3/1976

Số hộ chiếu: EC7032392      Cấp ngày: 10/4/2018

Nơi cấp: Cục quản lý XNC - Bộ công an Trung Quốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Số 3, Đường Chính Nghĩa, khu Ngũ Hoa, thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

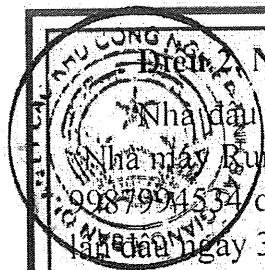
#### 3. Tổ chức kinh tế thực hiện Dự án đầu tư tại Việt Nam:

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400874687 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/11/2019.







## **Điều 2. Nội dung dự án đầu tư**

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh tăng quy mô, vốn đầu tư thực hiện của dự án: “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” kèm theo Giấy CNĐKĐT, mã số dự án 2-9987994534 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận đầu tư ngày 30/10/2019 như sau:

- 1. Tên Dự án đầu tư:** Nhà máy Runyang Technology Việt Nam.
- 2. Địa điểm thực hiện Dự án:** Một phần lô K (K1-7), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- 3. Diện tích đất sử dụng:** 33.325,8 m<sup>2</sup>.
- 4. Mục tiêu của Dự án đầu tư:** Sản xuất tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA.
- 5. Quy mô của Dự án đầu tư:** 70.000.000 m<sup>2</sup>/năm ổn định. (tăng thêm 50.000.000 m<sup>2</sup>/năm)
- 6. Tổng vốn đầu tư của Dự án:** 545.100.000.000 VNĐ (Năm trăm bốn mươi lăm tỷ một trăm triệu đồng), tương đương với 23.700.000 USD (Hai mươi ba tỷ bảy trăm nghìn Đô la Mỹ). Vốn đầu tư tăng thêm 234.600.000.000 VNĐ tương đương 10.200.000 USD.

### **6.1 Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư:**

- Vốn góp chủ sở hữu để thực hiện Dự án: Nhà đầu tư góp bằng tiền mặt 349.600.000.000 VNĐ, tương đương với 15.200.000 USD bằng 100% vốn góp, chiếm tỷ lệ 64,14% tổng vốn đầu tư của Dự án. (Vốn đầu tư tăng thêm 234.600.000.000 VNĐ tương đương 10.200.000 USD)

- Vốn vay và huy động: 195.500.000.000 VNĐ, tương đương 8.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 35,86% tổng vốn đầu tư của Dự án.

### **6.2 Tiến độ thực hiện vốn đầu tư Dự án:**

- Vốn góp chủ sở hữu: 03 tháng kể từ ngày 30/10/2019.
- Vốn góp chủ sở hữu tăng thêm (10,2 triệu USD): 06 tháng kể từ ngày 17/3/2021.
- Vốn vay và huy động: 12 tháng kể từ ngày 30/10/2019.

**7. Thời hạn hoạt động của Dự án đầu tư:** đến tháng 01/2056.

**8. Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư:** 12 tháng kể từ ngày 30/10/2019, cụ thể:

- Từ tháng thứ 01 đến tháng thứ 03: hoàn thiện thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp, môi trường, xây dựng...;

- Sáu (06) tháng tiếp theo: Khởi công xây dựng và hoàn thiện nhà xưởng và các công trình phụ trợ phục vụ cho dự án;

- Đến tháng thứ 10: Lắp đặt máy móc, thiết bị;

- Đến tháng thứ 12: Tuyển dụng lao động, vận hành chạy thử và đi vào sản xuất.

## **Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với Dự án đầu tư**

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT.



#### **Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện Dự án**

**Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có trách nhiệm:**

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định trước khi triển khai Dự án đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9987994534 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/10/2019.

**Điều 6.** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN







**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

**Mã số dự án: 9987994534**

**Chứng nhận lần đầu: Ngày 30 tháng 10 năm 2019**

*Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ văn bản và hồ sơ kèm theo đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) để thực hiện dự án của Công ty hữu hạn cổ phần khoa học kỹ thuật nguyên liệu mới Nhuận Dương Chiết Giang,*

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG**

**Chứng nhận nhà đầu tư:**

**1. Tên nhà đầu tư: CÔNG TY HỮU HẠN CỔ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT NGUYÊN LIỆU MỚI NHUẬN DƯƠNG CHIẾT GIANG.**

*Giấy phép kinh doanh số: 91330500056855710M Cấp ngày: 31/10/2012*

*Cơ quan cấp: Cục quản lý và giám sát thị trường thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.*

*Địa chỉ trụ sở chính: Số 16, đường Trường Lữ, xã Lữ Sơn, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tel: +86-572-6780573*

**2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư:**

*Họ và tên: Yang Qing Feng Giới tính: Nam Quốc tịch: Trung Quốc*

*Chức vụ: Tổng Giám đốc Sinh ngày: 29/3/1976*

*Số hộ chiếu: EC7032392 Cấp ngày: 10/4/2018*

*Nơi cấp: Cục quản lý XNC - Bộ công an Trung Quốc.*

*Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Số 3, Đường Chính Nghĩa, khu Ngũ Hoa, thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.*

**Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:**

**Điều 1. Nội dung dự án đầu tư**

**1. Tên Dự án đầu tư:** Nhà máy Runyang Technology Việt Nam.

**2. Địa điểm thực hiện Dự án:** Một phân lô K (K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nễnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**3. Diện tích đất sử dụng:** 33.325,8 m<sup>2</sup>.

**4. Mục tiêu và quy mô của Dự án đầu tư:**

Sản xuất tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA: Quy mô 20.000.000 m<sup>2</sup>/năm ổn định.

**5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:** 310.500.000.000 VNĐ (Ba trăm mười tỷ năm trăm triệu đồng), tương đương với 13.500.000 USD (Mười ba triệu năm trăm nghìn Đô la Mỹ)

- *Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư:*

+ *Vốn góp chủ sở hữu để thực hiện Dự án:* Nhà đầu tư góp bằng tiền mặt 115.000.000.000 VNĐ, tương đương với 5.000.000 USD bằng 100% vốn góp, chiếm tỷ lệ 37% tổng vốn đầu tư của Dự án.

+ *Vốn vay và huy động:* 195.500.000.000 VNĐ, tương đương 8.500.000 USD, chiếm tỷ lệ 63% tổng vốn đầu tư của Dự án.

- *Tiến độ thực hiện vốn đầu tư Dự án:*

+ *Vốn góp chủ sở hữu:* 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy CNDKĐT.

+ *Vốn vay và huy động:* 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy CNDKĐT.

6. *Thời hạn hoạt động của Dự án đầu tư:* đến tháng 01/2056.

7. *Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư:* 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNDKĐT, cụ thể: Từ tháng thứ 01 đến tháng thứ 03: hoàn thiện thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp, môi trường, xây dựng...; Sáu (06) tháng tiếp theo: Khởi công xây dựng và hoàn thiện nhà xưởng và các công trình phụ trợ phục vụ cho dự án; Đến tháng thứ 10: Lắp đặt máy móc, thiết bị; Đến tháng thứ 12: Tuyển dụng lao động, vận hành chạy thử và đi vào sản xuất.

## **Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với Dự án đầu tư**

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT.

## **Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện Dự án**

*Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện Dự án đầu tư có trách nhiệm:*

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định trước khi triển khai Dự án đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang./.



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Anh Quyền

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH BẮC GIANG  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2400874687**

*Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 11 năm 2019*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 22 tháng 11 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM RUNYANG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RUNYANG TECHNOLOGY VIETNAM

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Một phần lô K (K1-7), KCN Quang Châu, Thị trấn Nénh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Điện thoại: 0204.366.3639

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ : 264.500.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bốn tỷ năm trăm triệu đồng*

*Tương đương: 11.500.000 (Bằng chữ: Mười một triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ)*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CÔNG TY HỮU HẠN CỔ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT NGUYÊN LIỆU MỚI NHUẬN DƯƠNG CHIẾT GIANG

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 91330500056855710M

Ngày cấp: 31/10/2012 Nơi cấp: Cục quản lý và giám sát thị trường thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang

Địa chỉ trụ sở chính: Số 9, đại lộ Trường Hưng, thị trấn Lý Gia Hạng, huyện Trường Hưng, thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang,, Trung Quốc

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ và tên: WEI ZHONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *08/04/1971* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

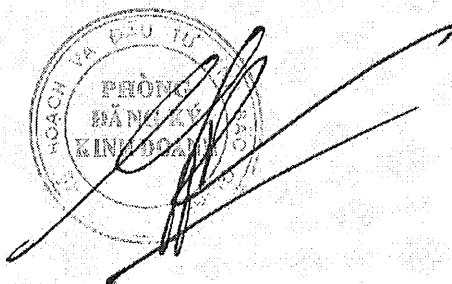
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *EH2421498*

Ngày cấp: *23/09/2019* Nơi cấp: *Cục quản lý di dân nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 301 đơn nguyên 1, tòa 2, số 57 đường Như An, quận Ngũ Hoa, thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Số 15-17, Ngõ 14, khu A, Viện Nghiên cứu Rau Quả, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**

A circular official stamp with the text "PHÒNG HÀNH CHÍNH" in the center and "CỤC QUẢN LÝ DI DÂN" around the perimeter. Overlaid on the stamp is a large, bold, handwritten signature in black ink.

**NGUYỄN VŨ ĐIỂN**



CÔNG TY CỔ PHẦN KCN  
SÀI GÒN – BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----\*\*\*-----

## HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT CÓ CƠ SỞ HẠ TẦNG Số: 81/HĐTLĐ-QC/2019

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 và Nghị định kèm theo;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các Nghị định kèm theo;
- Căn cứ Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh nghiệp số 2400349624 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Bắc Giang, đăng ký lần đầu ngày 06/04/2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 11/1/2019;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2126071777, chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2007, thay đổi lần 2 ngày 05/09/2019 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp cho Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn – Bắc Giang
- Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX310041 ngày 30/9/2014 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp cho Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang.
- Căn cứ Chứng Nhận đăng ký đầu Tư số 9987994534 ngày 30/10/2019 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Giang cấp cho Công Ty TNHH Runyang Technology Việt Nam;
- Căn cứ Thỏa thuận nguyên tắc thuê lại đất số: 81/TTNTTLD-QC/2019 ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang và Zhe Jiang Run Yang New Material Technology Inc.;

Hợp đồng thuê lại đất (“Hợp đồng”) này được lập và có hiệu lực vào ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại văn phòng Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn- Bắc Giang, và giữa các bên:

### 1. BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – BẮC GIANG**

Đại diện : Ông Mai Tuấn Dũng

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Khu công nghiệp Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Điện thoại : (84.204) 3868 888 Fax: (84.204) 3868 449

Tài khoản số : 118.000.207.381 (USD) – 114.000.180.620 (VND) tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh KCN Quế Võ.

Swift code : ICB VVN VX 289

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

## **2. BÊN THUÊ LẠI ĐẤT:**

### **CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

Đại diện : Ông WEI ZHONG

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Số hộ chiếu : EH2421498; cấp ngày: 23/09/2019 tại: Cục quản lý di dân nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Địa chỉ : Một phần lô K (K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nếnh và xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Mã số thuế : 2400874687

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

#### **Xét vì:**

- A. **Bên A**, là chủ đầu tư xây dựng và quản lý hạ tầng Khu Công Nghiệp Quang Châu ("KCN Quang Châu") được Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 2126071777, chứng nhận lần đầu ngày 06/02/2007, thay đổi lần 2 ngày 05/09/2019 có chức năng cho thuê lại đất để xây dựng Dự án đầu tư;
- B. **Bên B**, với tư cách là nhà đầu tư có nhu cầu thuê lại đất để thực hiện dự án tại Khu Công Nghiệp Quang Châu. theo Giấy Chứng Nhận đăng ký đầu Tư số 9987994534 ngày 30/10/2019 do Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Tỉnh Bắc Giang cấp;
- C. Hai bên đã thống nhất về mặt nguyên tắc nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định bởi việc ký kết Thỏa thuận nguyên tắc về thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 81/TTNTTLD-QC/2019 ký giữa hai bên ngày 12 tháng 8 năm 2019 ("Thỏa thuận nguyên tắc");

Do vậy, nay, Các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện được quy định dưới đây:

#### **ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI**

Trừ khi ngữ cảnh của Hợp đồng có yêu cầu hoặc dụng ý khác, tất cả các thuật ngữ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu và diễn giải như sau:

- 1.1. "**Lô đất**" là diện tích đất thuộc KCN Quang Châu mà **Bên A** cho **Bên B** thuê lại để thực hiện dự án đầu tư của **Bên B**, với thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- 1.2. "**Tiền thuê lại**" là số tiền **Bên B** phải thanh toán cho **Bên A** cho các chi phí liên quan đến xây dựng toàn bộ kết cấu hạ tầng và giá trị thương mại của "Lô đất". Phần giá trị này bao gồm nhưng không giới hạn những chi phí như: Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư; chi phí san lấp hình thành cao độ hiện trạng; chi phí đo vẽ, quy hoạch, chi phí quản lý và các chi phí khác liên quan đến hạ tầng cơ sở và giá trị thương mại của Lô đất".
- 1.3. "**Thời hạn thuê**" là thời hạn mà **Bên A** cho **Bên B** thuê lại Lô đất được quy định cụ thể ở Điều 2.3 của Hợp đồng này;



- 1.4. “Các loại thuế, phí khác” là các loại thuế, phí được ban hành bởi nhà nước và chính quyền địa phương đang hoặc sẽ có hiệu lực thi hành sau ngày ký kết hợp đồng này;
- 1.5. “Phí quản lý và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng” là phí **Bên B** phải trả cho việc sử dụng hạ tầng cơ sở do **Bên A** cung cấp đối với các hạng mục là cơ sở vật chất sử dụng chung phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt cho các nhà đầu tư trong KCN Quang Châu theo Hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng trong KCN Quang Châu được ký cùng với Hợp đồng này;
- 1.6. “Khoản Đặt cọc” là khoản tiền **Bên B** nộp trước cho **Bên A** theo quy định tại Thỏa thuận nguyên tắc.

## **ĐIỀU 2: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

**Bên A** đồng ý cho **Bên B** thuê lại đất lô đất có cơ sở hạ tầng (“Lô đất”) tại Khu công nghiệp Quang Châu với nội dung như sau:

### **2.1. Thông tin về Lô đất:**

- Vị trí Lô đất: Một phần lô K (K1-7), Khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nếnh và xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- Tổng diện tích: 33.325,8 m<sup>2</sup> (Ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi lăm phẩy tám mét vuông).

Bản vẽ hiện trạng Lô đất được đính kèm Hợp đồng này.

### **2.2. Mục đích sử dụng Lô đất:**

**Bên B** chỉ sử dụng Lô đất vào mục đích thực hiện dự án đầu tư sản xuất theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9987994534 ngày 30/10/2019 (bao gồm các lần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung) do Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Tỉnh Bắc Giang cấp cho **Bên B**. Trong trường hợp **Bên B** muốn thay đổi mục đích dự án đầu tư trên Lô đất, **Bên B** phải tuân thủ quy định liên quan tới lĩnh vực đầu tư trong KCN Quang Châu và phải thông báo cho **Bên A** về sự thay đổi này, đồng thời làm các thủ tục thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **2.3. Thời hạn thuê lại đất:**

Thời hạn thuê lại đất kể từ Ngày bàn giao được quy định tại Điều 4.1 dưới đây đến tháng 01 năm 2056 (“Thời hạn thuê”). Sau thời hạn này, hai Bên sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

## **ĐIỀU 3: TIỀN THUÊ LẠI ĐẤT VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- 3.1. Trong suốt Thời hạn thuê, Tiền thuê lại được tính bằng đơn giá thuê lại đất có cơ sở hạ tầng (“Đơn giá thuê lại”) của một mét vuông nhân với diện tích thực thuê. Các Bên thống nhất về Đơn giá thuê lại, Tiền thuê lại, tiến độ thanh toán và phương thức thanh toán như sau:

#### **• Tiền thuê lại:**

Đơn giá thuê lại: 1,744,875 VNĐ/m<sup>2</sup> và chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (“Thuế VAT”).

Tiền thuê lại trước thuế :



$$33.325,8 \text{ m}^2 \times 1,744,875 \text{ VND/m}^2 = 58.149.355.275 \text{ VNĐ} \quad (1)$$

Thuế VAT:  $(1) \times 10\% = 5.814.935.528 \text{ VNĐ} \quad (2)$

Tổng tiền thuê lại (đã bao gồm VAT):  $(1) + (2) = 63.964.290.803 \text{ VNĐ}$

(Bằng chữ : Sáu mươi ba tỷ chín trăm sáu mươi tư triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm linh ba Việt Nam Đồng)

• **Thời hạn thanh toán:**

- Tại thời điểm ký Hợp đồng này, **Bên B** đã đặt cọc cho **Bên A** 20% tổng giá trị Hợp đồng thuê lại đất (chưa bao gồm thuế VAT), tương đương với **11.629.871.055 VNĐ** (Bằng chữ: Mười một tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm năm mươi lăm Việt Nam Đồng) theo Thỏa thuận nguyên tắc số 81/TTNTTLD-QC/2019.

Kể từ thời điểm ký Hợp đồng này, **Bên B** sẽ thanh toán cho **Bên A** thành các đợt như sau:

+ **Đợt 1:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, **Bên B** thanh toán cho **Bên A** hai khoản bao gồm: 60% Tiền thuê lại lô đất (bao gồm thuế VAT) theo quy định tại Điều 3.1 nêu trên, tương đương: **38.378.574.482 VNĐ** (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi hai Việt Nam Đồng) và khoản thuế VAT tương ứng của 20% Tiền thuê lại lô đất, tương đương với **1.126.987.106 VNĐ** (Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn một trăm linh sáu Việt Nam Đồng).

+ **Đợt 2:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao đất, **Bên B** thanh toán cho **Bên A** 15% Tiền thuê lại lô đất (bao gồm thuế VAT) theo quy định tại Điều 3.1 nêu trên tương đương: **9.594.643.620 VNĐ** (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi Việt Nam Đồng).

+ **Đợt 3:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày **Bên B** nhận được Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, **Bên B** thanh toán cho **Bên A** 5% Tiền thuê lại Lô đất (bao gồm thuế VAT) tương đương **3.198.214.540 VNĐ** (Bằng chữ: Ba tỷ một trăm chín mươi tám triệu hai trăm mười bốn nghìn năm trăm bốn mươi Việt Nam Đồng).

3.2. Việc thanh toán Tiền thuê lại hay bất cứ khoản phải thanh toán nào theo Hợp đồng này được thực hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ) theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của **Bên A** được nêu tại phần đầu của Hợp đồng hoặc vào một tài khoản khác theo chỉ định bằng văn bản của **Bên A** trước khi thực hiện việc thanh toán. Mọi chi phí liên quan đến việc chuyển tiền do **Bên B** chịu. **Bên A** cung cấp cho **Bên B** hóa đơn Giá trị gia tăng ("GTGT") cho các đợt thanh toán.

3.3. Ngoài Tiền thuê lại Lô đất theo quy định tại Điều 3.1, trong suốt Thời hạn thuê, **Bên B** chịu trách nhiệm thanh toán (thông qua **Bên A**) các khoản tiền thuê đất hàng năm theo đơn giá do Nhà nước quy định, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, các khoản thuế, phí, lệ phí và bất kỳ một khoản chi phí đăng ký, lệ phí hành chính nào (nếu có) theo quy định của pháp luật phát sinh từ việc sử dụng Lô đất của **Bên B**.

*Tiền thuê đất hàng năm*: là khoản tiền thuê đất hàng năm mà **Bên B** nộp cho Nhà nước (thông qua **Bên A**) theo đơn giá thuê đất được quy định bởi UBND tỉnh Bắc Giang ban hành tương ứng với vị trí và diện tích đất mà **Bên B** thuê lại của **Bên A**. **Bên B** sẽ nộp tiền thuê đất hàng năm cho **Bên A** theo thông báo của **Bên A**. Thời hạn thanh toán không quá 30 ngày kể từ ngày **Bên B** nhận được thông báo của **Bên A**.

#### **ĐIỀU 4: BÀN GIAO LÔ ĐẤT VÀ QUYỀN KIỂM SOÁT LÔ ĐẤT CỦA BÊN B**

- 4.1.** **Bên A** sẽ tiến hành bàn giao cho **Bên B** Lô đất có cơ sở hạ tầng cùng các điểm đầu nối Cơ sở hạ tầng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này (**Ngày bàn giao**).  
**Bên A** sẽ cung cấp các tài liệu liên quan đến Lô đất, bản vẽ thiết kế thoát nước liên quan đến Lô đất cho **Bên B**, đồng thời cho phép **Bên B** thuê đơn vị thứ ba đến kiểm tra nghiệm thu chất lượng Lô đất trước khi **Bên A** bàn giao Lô đất cho **Bên B**
- 4.2.** Kể từ Ngày bàn giao, **Bên B** phải chịu trách nhiệm về mọi rủi ro phát sinh (bao gồm nhưng không giới hạn đối với các tổn thất, phá hủy hoặc thiệt hại về sự chiếm hữu/xâm nhập của bên thứ ba) đối với Lô đất, cơ sở hạ tầng, các tiện ích lắp đặt trong Lô đất, các công trình xây dựng (nếu có) trên Lô đất.
- 4.3.** Kể từ khi được bàn giao Lô đất, **Bên B** có đầy đủ quyền quản lý, quyền kiểm soát và sử dụng Lô đất theo quy định của Hợp đồng này, của pháp luật.
- 4.4.** **Bên B**, trong quá trình xây dựng và vận hành dự án, có quyền kiểm soát đối với toàn bộ Lô đất và kiểm soát đối với việc vào / ra của **Bên A** trừ trường hợp khẩn cấp cần phải thực hiện các công việc cấp thiết để tiến hành sửa chữa, khắc phục các hạng mục liên quan đến hạ tầng sử dụng chung của Khu công nghiệp, Cơ quan có thẩm quyền (bao gồm cả con người, máy móc và thiết bị).
- 4.5.** **Bên B** có quyền yêu cầu **Bên A**, Cơ quan có thẩm quyền chấp hành các quy định chung về an toàn, an ninh, bảo mật, bảo hộ, giám sát và các biện pháp khác.
- 4.6.** Trong mọi trường hợp, **Bên A** muốn Ra / Vào Lô đất thực hiện các công việc để cung cấp dịch vụ của **Bên A** hoặc mục đích của Hợp đồng theo quy định tại Điều 4.4 Hợp đồng này:
- **Bên A** được quyền đưa nhân công và máy móc, thiết bị vào Lô đất để thực hiện các công việc nhằm cung cấp dịch vụ, lắp đặt thiết bị, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, mục đích của Hợp đồng với điều kiện lịch vào/ra được thông báo bằng văn bản trước 03 ngày và **Bên B** không có ý kiến phản đối kể từ khi nhận được thông báo. **Bên A** có nghĩa vụ đảm bảo việc ra / vào Lô đất và thực hiện các công việc trong Lô đất không làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của **Bên B**. Trong trường hợp xảy ra thiệt hại cho **Bên B** trong quá trình thực hiện hoạt động vào /ra và cung cấp dịch vụ trong Lô đất, **Bên A** có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho **Bên B** sau khi **Bên B** cung cấp đầy đủ các bằng chứng chứng minh hợp pháp về việc các thiệt hại đó là phát sinh trực tiếp từ hoạt động vào/ra của **Bên A**;
  - Trong các trường hợp cấp thiết và vì lý do đảm bảo việc cung cấp dịch vụ cho **Bên B** hoặc trong tình huống bắt buộc nhằm đảm bảo an toàn cho các thiết bị, máy móc, hệ thống cung cấp dịch vụ chung trong toàn bộ Khu công nghiệp, **Bên A** có thể ra/vào Lô đất và phải báo trước cho **Bên B**. Trong những trường hợp này, **Bên B** cho phép **Bên A** cùng nhân công, máy móc thiết bị vào / ra Lô đất để thực hiện các công việc, miễn là việc vào / ra và thực hiện công việc trong Lô đất hoàn toàn chỉ liên quan đến việc đảm bảo cung cấp dịch vụ, cam kết không gây thiệt hại hoặc làm

ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của **Bên B**. Trong trường hợp xảy ra thiệt hại cho **Bên B** trong quá trình thực hiện hoạt động vào / ra và cung cấp dịch vụ trong Lô đất, **Bên A** có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho **Bên B** sau khi **Bên B** cung cấp đầy đủ các bằng chứng chứng minh hợp pháp về việc các thiệt hại đó là phát sinh trực tiếp từ hoạt động vào/ra của **Bên A**.

## **ĐIỀU 5: PHÍ QUẢN LÝ VÀ BẢO DƯỠNG**

- 5.1. **Bên A** đảm bảo cho **Bên B** được sử dụng đầy đủ Cơ sở hạ tầng của KCN Quang Châu và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của **Bên B** tại Lô đất và trong KCN Quang Châu. **Bên B** sẽ có trách nhiệm thanh toán cho **Bên A** Phí quản lý và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 11.633 VNĐ/m<sup>2</sup>/năm (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Các Bên sẽ ký Hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng trong KCN Quang Châu để quy định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên liên quan tới việc sử dụng Cơ sở hạ tầng của KCN cùng với việc ký kết Hợp đồng này.
- Bên B** được miễn phí quản lý và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng trong vòng 06 (sáu) năm kể từ Ngày bàn giao.
- 5.2. Các phí trên có thể được điều chỉnh 03 (ba) năm một lần. **Bên A** sẽ thông báo bằng văn bản cho **Bên B** về việc điều chỉnh Phí quản lý và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và mức phí mới được áp dụng sau khi các Bên ký kết thỏa thuận bằng văn bản. Mức tăng hoặc giảm của khoản phí đó sau mỗi lần điều chỉnh sẽ không vượt quá 15% mức phí mà **Bên B** thanh toán của kỳ thanh toán trước đó cho mỗi lần điều chỉnh
- 5.3. Ngoài ra, **Bên B** phải thanh toán cho **Bên A** hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ các loại phí sử dụng dịch vụ tiện ích chung như: điện, nước, điện thoại, internet,... theo Hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa các bên.

## **ĐIỀU 6: TRỄ HẠN THANH TOÁN**

- 6.1. Nếu **Bên B** không do lỗi của **Bên A** không thực hiện đúng thời hạn thanh toán Tiền thuê theo quy định tại Điều 3.1 của Hợp đồng này mà **Bên A** đã thông báo nhắc nhở bằng văn bản cho **Bên B** hai (02) lần thì **Bên B** phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5%/1tháng áp dụng tại thời điểm hết hạn thanh toán trên tổng số tiền mà **Bên B** chậm thanh toán cho khoảng thời gian chậm thanh toán. Thời gian chậm thanh toán không được vượt quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán.
- 6.2. Nếu việc chậm thanh toán quá thời hạn quy định tại Điều 6.1 nêu trên, mà không có sự đồng ý bằng văn bản của **Bên A**, thì ngoài lãi suất nợ quá hạn, **Bên A** có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không hoàn trả lại các khoản **Bên B** đã thanh toán. Kể từ thời điểm này coi như **Bên B** từ bỏ hết quyền lợi của mình đối với Lô đất và **Bên A** có quyền cho khách hàng khác thuê lại Lô đất này.

## **ĐIỀU 7: XÂY DỰNG VÀ SỬA CHỮA**

- 7.1. Trong thời hạn 06 tháng kể từ Ngày bàn giao Lô đất, **Bên B** phải tiến hành triển khai xây dựng nhà xưởng, các công trình phụ trợ và tiến hành các hoạt động để thực hiện dự án theo đúng tiến độ cam kết trong Giấy chứng nhận đầu tư. Trong trường hợp **Bên B** không thực hiện triển khai Dự án dẫn đến việc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư thì **Bên A** và **Bên B** sẽ cũng thảo luận để thống nhất cách giải quyết bằng một văn bản được ký kết giữa hai bên căn cứ theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 7.2. Phù hợp với mục đích sử dụng Lô đất quy định tại Điều 2.2 của Hợp đồng này, **Bên B** được phép xây dựng nhà xưởng với diện tích mặt bằng của nhà xưởng và các cấu trúc



nổi liên quan khác không được vượt quá 60% tổng diện tích Lô đất hoặc phải được cấp phép bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các hạng mục kiến trúc không được xây dựng trên hành lang an toàn. Trong quá trình thực hiện các công việc xây dựng nhà xưởng, tường rào hoặc các công trình kiến trúc khác **Bên B** phải chú ý để tránh gây thiệt hại và cản trở việc sử dụng Cơ sở hạ tầng trong KCN Quang Châu bao gồm nhưng không giới hạn bởi hệ thống đường nội bộ, khu đất khác, công trình xây dựng, vỉa hè và các phương tiện kỹ thuật truyền dẫn ở trên hoặc ở dưới mặt đất. Đặc biệt, **Bên B** phải dành lại một khoảng đất trống xung quanh Lô đất để trồng cây xanh, làm hành lang phòng cháy chữa cháy và lối cổng hậu theo quy định của pháp luật, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và **Bên A**. Cụ thể:

(i) Phía tiếp giáp với khu đất bên cạnh và phía sau phải chừa ra 4,5m.

(ii) Phía tiếp giáp với đường trục chính phải chừa ra 6m.

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng phải tuân theo “Điều lệ Quản lý xây dựng theo Quy hoạch tại Khu công nghiệp Quang Châu” và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- 7.3. Khi xây dựng nhà xưởng hoặc bất cứ công trình khác hoặc sửa chữa nhà xưởng ảnh hưởng đến các Cơ sở hạ tầng của KCN Quang Châu do **Bên A** quản lý thì **Bên B** phải xin phép **Bên A** ít nhất là ba mươi (30) ngày trước khi thực hiện và phải nộp một khoản tiền bảo đảm là 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu đồng). Với các hạng mục công trình bị ảnh hưởng do việc xây dựng của **Bên B**, **Bên B** có nghĩa vụ phải phục hồi lại nguyên trạng như trước khi **Bên B** thi công. Nếu **Bên B** không phục hồi lại thì **Bên A** được quyền thuê nhân công để khôi phục lại, mọi chi phí sẽ khấu trừ vào số tiền bảo đảm mà **Bên B** đã nộp. **Bên B** sẽ được hoàn trả lại số tiền bảo đảm còn lại nếu còn và không được hưởng lãi. Trường hợp số tiền bảo đảm đã nộp không đủ bù đắp chi phí khôi phục đã nêu, **Bên B** có nghĩa vụ nộp thêm cho **Bên A** số tiền còn thiếu.

## **ĐIỀU 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- 8.1. Trong Thời hạn thuê, **Bên B** cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm soát của các cơ quan bảo vệ môi trường của Nhà nước, chính quyền địa phương và **Bên A**. Nguồn nước thải công nghiệp và sinh hoạt phải được **Bên B** xử lý nội bộ tối thiểu đạt tiêu chuẩn xả vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Quang Châu trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của KCN Quang Châu. **Bên B** phải phải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường liên quan tới khí thải, rác thải, độ ồn, bụi để không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới các doanh nghiệp khác trong KCN Quang Châu cũng như cộng đồng dân cư trong khu vực lân cận. **Bên B** sẽ chịu mọi trách nhiệm liên quan tới vấn đề bảo vệ môi trường nếu bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm của **Bên B**.

- 8.2. Trong trường hợp **Bên B** tạm dừng hoạt động kinh doanh tại Nhà xưởng hoặc trên Lô đất, **Bên B** phải cử người trông giữ, duy tu thường xuyên Nhà xưởng và/hoặc các tài sản hiện hữu trên Lô đất để bảo đảm rằng Nhà xưởng và các tài sản này luôn ở trong tình trạng tốt, không gây ảnh hưởng tới môi trường, an toàn lao động và các công trình xung quanh. **Bên A** sẽ thông báo cho **Bên B** thực hiện nghĩa vụ trông giữ, duy tu tài sản trong trường hợp **Bên B** không chủ động thực hiện nghĩa vụ này. Sau 15 ngày kể từ ngày **Bên A** ra văn bản thông báo lần thứ hai mà **Bên B** vẫn không thực hiện nghĩa vụ hoặc không có phản hồi thì **Bên A** có quyền ra vào Lô đất hoặc Nhà xưởng của **Bên B** để có thể áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm các tài sản này không gây ảnh hưởng tới môi trường, an toàn lao động và các công trình xung quanh. **Bên B** phải chịu chi phí liên quan đến các biện pháp mà **Bên A** đã thực hiện. Trong trường hợp này, **Bên A** không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ mất mát, hư hỏng nào xảy ra đối với Nhà

xưởng hoặc tài sản các tài sản có trên Lô đất khi **Bên B** tạm dừng hoạt động kinh doanh tại Nhà xưởng và/hoặc Lô đất.

#### **ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM VỚI BÊN THỨ BA**

**Bên B** đồng ý bồi thường và đảm bảo cho **Bên A** không phải gánh chịu trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan đến: (i) mọi thương tích đối với người hoặc thiệt hại gây ra do sự cố ý của **Bên B** (bao gồm cả nhân viên, khách của **Bên B**); (ii) việc không thực hiện hay không tuân thủ bất kỳ điều khoản, quy định nào trong Hợp đồng này của **Bên B**, nhân viên hoặc khách của **Bên B**; (iii) bất kỳ công việc hay sự việc nào do **Bên B** hoặc nhân viên, khách của **Bên B** thực hiện một cách cố ý gây ảnh hưởng tới **Bên A** và các khách hàng khác trong KCN Quang Châu;

#### **ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

Ngoài những nghĩa vụ, trách nhiệm cam kết trong các điều khoản của Hợp đồng này, **Bên A** có trách nhiệm sau đây:

- 10.1. **Bên A** tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của **Bên B** xây dựng trên Lô đất và cam kết không can thiệp vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy phép hợp pháp khác của **Bên B** tiến hành trên Lô đất.
- 10.2. Đảm bảo cho **Bên B** được sử dụng Lô đất ổn định, đầy đủ Thời hạn thuê, diện tích, điều kiện và hiện trạng Lô đất theo như quy định tại Hợp đồng này; đảm bảo cung cấp điểm đầu nối Cơ sở hạ tầng đến vị trí gần nhất với ranh giới Lô đất.
- 10.3. Phối hợp với **Bên B** liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm thực hiện thành công các thủ tục pháp lý cần thiết để **Bên B** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên **Bên B** sau khi **Bên B** thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê Lô đất và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định tại Điều 11.2 Hợp đồng này.

Trong vòng 04 tháng kể từ khi nhận đủ hồ sơ và tài liệu từ **Bên B**, **Bên A** sẽ hoàn thiện việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **Bên B**. Nếu quá thời hạn này, mà **Bên A** không bàn giao được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **Bên B** thì **Bên A** sẽ bị áp dụng mức phạt 0,03% tổng giá trị Hợp đồng/ngày chậm bàn giao trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu **Bên B** có yêu cầu, **Bên A** sẽ, tùy thuộc vào khả năng của mình, hỗ trợ cho **Bên B** sau khi **Bên B** được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư như giấy phép xây dựng và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- 10.4. Cung cấp nước, điện và các dịch vụ công trình thoát nước đến Lô đất. Cụ thể như sau:
  - Cấp điểm đầu nối đường điện trung thế tại trục đường giao thông theo quy hoạch của Khu công nghiệp để phục vụ quá trình xây dựng và sản xuất, **Bên B** có nghĩa vụ ký hợp đồng mua điện với Công ty Điện lực hoặc đơn vị được ủy quyền và thanh toán tiền điện hàng tháng theo chỉ số công tơ.
  - Đảm bảo đường giao thông như bản đồ vị trí Lô đất. Cung cấp 1 điểm thoát nước thải phía ngoài tường rào theo quy hoạch của khu công nghiệp tại trục đường giao thông đi qua Lô đất của **Bên B** sau khi **Bên B** đã xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.
  - Đảm bảo thoát nước mưa phía ngoài tường rào tại trục đường giao thông đi qua Lô đất của **Bên B**. Cung cấp điểm đầu nối thoát nước cho Lô đất.
  - Đảm bảo cấp nước sạch tại trục đường giao thông đi qua Lô đất. Cung cấp 1 điểm đầu nối nước sạch đến ngoài hàng rào lô đất **Bên B** thanh toán phí sử dụng nước

hàng tháng theo chỉ số công tơ theo đơn giá thỏa thuận với đơn vị cung cấp nước sạch.

- 10.5. Trang bị cho Khu Công nghiệp các công trình hạ tầng công cộng và bảo dưỡng các công trình hạ tầng công cộng này.
- 10.6. **Bên A** cam kết, đảm bảo rằng Lô đất: Không phải là đối tượng của bất kì tranh chấp nào và sẽ không có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong suốt thời gian **Bên B** thuê, không bị kê biên để thi hành án hoặc không bị kê biên để chấp hành quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. **Bên A** đảm bảo quyền sử dụng ổn định, sản xuất kinh doanh hợp pháp cho **Bên B**.
- 10.7. **Bên A** cam kết không nợ thuế và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động cho thuê lại đất và cho thuê cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này.  
**Bên A** tôn trọng quyền sở hữu về tất cả tài sản của **Bên B** xây dựng trên khu đất và cam kết không can thiệp vào mọi hoạt động sinh hoạt và sản xuất của **Bên B** để **Bên B** chủ động thực hiện dự án đầu tư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- 10.8. **Bên A** hỗ trợ miễn phí cho **Bên B** tìm kiếm nguồn nhân lực, quá trình xây dựng và vận hành nhà máy khi hoàn thành xây dựng.
- 10.9. Chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo các thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 10.10. Các nghĩa vụ khác theo các thỏa thuận trong Hợp đồng này và các thỏa thuận khác giữa hai bên, các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

#### **ĐIỀU 11: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

**Bên B** có trách nhiệm sau đây:

- 11.1. Thanh toán cho **Bên A** Tiền thuê, Phí sử dụng cơ sở hạ tầng và thanh toán các loại thuế, phí, lệ phí liên quan theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.
- 11.2. Phối hợp với **Bên A** tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, **Bên B** trong khả năng của mình và trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày **Bên B** nhận được yêu cầu bằng văn bản, phải có nghĩa vụ cung cấp đủ, kịp thời các giấy tờ, văn bản liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hoặc các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 11.3. **Bên B** chỉ được phép tiến hành các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Lô đất phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp đã được cấp, bao gồm các lần sửa đổi, bổ sung.
- 11.4. **Bên B** cam kết sử dụng Lô đất đúng mục đích theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp đồng này, không hủy hoại giá trị Lô đất hoặc để bất cứ bên thứ ba nào hủy hoại Lô đất trong suốt Thời hạn thuê. Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phải phù hợp với Chứng chỉ quy hoạch của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, Điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch chi tiết KCN Quang Châu, Giấy phép xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc các quy định, tiêu chuẩn khác của pháp luật.
- 11.5. Ngoài những quyền quy định tại Hợp đồng này, **Bên B** có quyền sau đây: Được sử dụng Lô đất trong suốt Thời hạn thuê của Hợp đồng này.
- 11.6. Được **Bên A** cung cấp các dịch vụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 11.7. Được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được sở hữu tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

- 11.8. Được khai thác tối đa lợi ích từ việc sử dụng Lô đất phù hợp với các quy định của pháp luật và các thỏa thuận giữa hai bên.
- 11.9. Các quyền khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng này, theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác giữa hai bên.

#### **ĐIỀU 12: VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

- 12.1. Hai bên nghiêm túc thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng này. Trong trường hợp một bên vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào mà không khắc phục trong vòng 07 ngày sẽ bị áp dụng mức phạt theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên bị vi phạm.
- 12.2. **Thời hạn thực hiện nghĩa vụ chịu phạt vi phạm, bồi thường:**
- 12.2.1 Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm của Bên vi phạm phải được thực hiện xong trong thời hạn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày Bên bị vi phạm gửi văn bản yêu cầu.
- 12.2.2 Trong mọi trường hợp, Bên vi phạm không thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản tiền nêu trên, Bên bị vi phạm phải chịu phạt lãi chậm trả tính trên số tiền chậm thanh toán tương ứng thời gian chậm thanh toán theo lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm thanh toán.

#### **ĐIỀU 13: BẤT KHẢ KHÁNG**

- 13.1. Việc một trong hai bên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ hay chậm thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này sẽ không được coi là vi phạm các nghĩa vụ đó, hay là lý do để khiếu nại theo Hợp đồng này nếu việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ hay chậm thực hiện đó là do những hoàn cảnh nằm ngoài khả năng kiểm soát của **Bên Bị** ảnh hưởng, chỉ bao gồm và giới hạn bởi các sự kiện: lũ lụt, hỏa hoạn, động đất, chiến tranh (“Sự kiện bất khả kháng”).
- 13.2. Bên thực thi nghĩa vụ mà bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng (gọi là “Bên Chịu ảnh hưởng”) có nghĩa vụ phải:
- 13.2.1. Áp dụng mọi biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng.
- 13.2.2. Thông báo ngay lập tức (hoặc trong trường hợp không thể thông báo ngay lập tức thì chậm nhất trong vòng 72 giờ) phải thông báo cho bên kia về Sự kiện bất khả kháng và nêu rõ các biện pháp đã áp dụng để hạn chế tối đa ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng.
- 13.2.3. Việc không nghiêm túc tuân thủ những yêu cầu nêu trên của Bên Chịu Ảnh Hưởng sẽ bị coi như vi phạm Hợp đồng này và không được miễn trách nhiệm theo quy định tại Điều 13.1.
- 13.3. Khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng, thời hạn để thực hiện nghĩa vụ bị chậm trễ do bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian tồn tại của Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Nếu sau ba (03) tháng liên tiếp, kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình thì một trong các bên có quyền chấm dứt và tiến hành thanh lý Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 14: BẢO MẬT THÔNG TIN**

Hai bên cam kết không tiết lộ các điều khoản của Hợp đồng này hay bất kỳ thông tin, tài liệu do hai bên trao đổi giữa các bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng (“Thông tin Mật”) cho bên thứ ba, trừ khi có yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mỗi bên sẽ giới hạn

những người được tiếp cận với Thông tin Mật trong số các giám đốc, cán bộ quản lí, nhân viên, cố vấn và luật sư có liên quan trực tiếp và cần phải biết Thông tin Mật liên quan tới mục đích của Hợp đồng này. Ngoài ra, các Bên sẽ thông báo cho mỗi người trong số những người này rằng Thông tin Mật là bí mật và là tài sản riêng của Bên kia, được tiếp nhận một cách bí mật, và những người được phép tiếp cận tới Thông tin Mật phải cam kết bảo mật thông tin theo quy định của Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 15: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 15.1.** Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- 15.1.1.** Hết Thời hạn thuê theo quy định tại Điều 2.3 của Hợp đồng này và **Bên B** không có nhu cầu gia hạn thời gian thuê lại hoặc **Bên B** có có nhu cầu gia hạn thời gian thuê lại nhưng **Bên A** không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư và quản lý hạ tầng KCN Quang Châu; hoặc
- 15.1.2** Theo văn bản thoả thuận giữa các Bên.
- 15.1.3** Xảy ra Sự kiện bất khả kháng như quy định tại Điều 13.3.
- 15.1.4** Một trong các Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng này mà không khắc phục.
- 15.1.5** **Bên B** chấm dứt hoạt động, giải thể trước thời hạn hoặc phá sản.
- 15.1.6** **Bên A** vi phạm các quy định của pháp luật dẫn đến việc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu **Bên A** tạm ngừng việc cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng theo quy định tại Hợp đồng này hoặc trong mọi trường hợp **Bên B** không được tiếp tục sử dụng Lô đất theo quy định của hợp đồng này; hoặc
- 15.2.** Khi chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp quy định tại Điều 15.1.1, 15.1.2 15.1.3, và 15.1.5 các bên sẽ cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng. Theo đó, **Bên B** sẽ hoàn thành bất cứ nghĩa vụ nào còn tồn đọng theo quy định tại Hợp đồng này và quy định của Pháp luật cho tới thời điểm chấm dứt hợp đồng.
- 15.3.** Khi chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp quy định tại Điều 15.1.6 hoặc **Bên A** đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái các quy định tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật, **Bên A** phải hoàn trả lại các khoản tiền thuê, tiền dịch vụ những ngày chưa sử dụng đồng thời **Bên A** chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, chi phí phát sinh khác theo quy định của Hợp đồng này trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày **Bên B** yêu cầu.
- 15.4.** Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 15.1.4 hoặc một trong các bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng này trái pháp luật và quy định của Hợp đồng này thì:
- (i) Nếu **Bên B** là bên vi phạm thì **Bên A** sẽ không có trách nhiệm hoàn trả bất kỳ khoản tiền nào đã nhận từ **Bên B**. Đồng thời, **Bên A** có quyền cho bên thứ ba bất kỳ thuê lại quyền sử dụng Lô đất là đối tượng của Hợp đồng này và yêu cầu **Bên B** phải thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho **Bên A** trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày **Bên B** nhận được yêu cầu của **Bên A**.
- (ii) Nếu **Bên A** là bên vi phạm thì **Bên A** sẽ phải hoàn trả cho **Bên B** các khoản tiền thuê, tiền dịch vụ những ngày chưa sử dụng đồng thời **Bên A** chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, chi phí phát sinh khác theo quy định của Hợp đồng này trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày **Bên B** yêu cầu.
- 15.5.** Trong bất kỳ trường hợp chấm dứt Hợp đồng nào trừ trường hợp như quy định tại Điều 16 dưới đây, **Bên B** có nghĩa vụ bàn giao lại Lô đất cho **Bên A** theo quy định của pháp luật và tỉnh Bắc Giang tại thời điểm bàn giao.

## **ĐIỀU 16: CHUYỂN GIAO HỢP ĐỒNG**

- 16.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, **Bên B** có quyền chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của **Bên B** theo Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật, đồng thời được thực hiện các quyền của doanh nghiệp thuê lại đất trong KCN Quang Châu theo các quy định hiện hành của Nhà nước về đất đai đối với Lô đất. Trường hợp **Bên B** tiến hành tổ chức lại hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, **Bên B** phải thông báo trước cho **Bên A** về việc tổ chức lại doanh nghiệp.
- 16.2. Trong các trường hợp **Bên B** tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển nhượng tài sản trên đất cho tổ chức, cá nhân khác, hoặc chuyển nhượng Hợp đồng này cho một pháp nhân mới thì, **Bên A** đồng ý:
- 16.2.1. Hợp đồng này sẽ không chấm dứt. Các bên sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để bên thuê mới kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của **Bên B** với Lô đất trong thời hạn còn lại của Hợp đồng này. Việc xác định tư cách chủ thể của bên thuê mới sẽ được hai bên thống nhất bằng một phụ lục Hợp đồng; hoặc
- 16.2.2. Các Bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp đồng này, Chủ đầu tư mới sẽ ký Hợp đồng thuê lại đất với **Bên A** trong thời hạn còn lại của Hợp đồng này. **Bên B** sẽ phải thanh toán cho **Bên A** một khoản chi phí hành chính với đơn giá 23.265 VNĐ/m<sup>2</sup> (chưa bao gồm VAT) được tính trên diện tích đất chuyển nhượng hoặc các quy định khác của **Bên A** tại thời điểm chuyển giao. Đơn giá này và quy định về việc chuyển nhượng có thể được điều chỉnh theo quy định của **Bên A** áp dụng chung tại Khu công nghiệp. Hợp đồng thuê lại đất mới sẽ bao gồm các điều khoản và điều kiện như trong Hợp đồng này và các điều khoản sửa đổi, bổ sung khác tùy theo thỏa thuận của **Bên A** và Chủ đầu tư mới..
- Cơ chế này không áp dụng cho trường hợp **Bên B** chuyển nhượng cho các doanh nghiệp khác có hình thức công ty mẹ, con theo quy định của pháp luật.
- 16.3. Trừ khi **Bên B** có thỏa thuận khác và được **Bên A** đồng ý, bất kỳ việc chuyển giao, thay đổi chủ thể thuê đất chỉ được thực hiện sau khi **Bên B** đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và với **Bên A** theo Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 17: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 17.1. Luật áp dụng cho việc giải thích, thực hiện và giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này là hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm ký kết.
- 17.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa các bên trên tinh thần hợp tác, thiện chí. Nếu sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp mà không thể thương lượng, hòa giải được thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.
- 17.3. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình tham gia tố tụng bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí: Phí giám định, khảo sát, nhân chứng, luật sư của bên thắng kiện sẽ được thanh toán bởi bên thua kiện.

## **ĐIỀU 18: THÔNG BÁO**

Mọi thông báo hay thông tin khác được gửi hay thực hiện theo Hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản, gửi bằng thư bảo đảm hoặc qua fax cho bên liên quan theo địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp đồng này hoặc theo địa chỉ khác đã được bên đó thông báo bằng văn bản cho bên kia tại từng thời điểm. Khi các bên có những thay đổi thông tin về địa chỉ thông báo, phải kịp thời thông báo cho Bên kia để sửa đổi, bổ sung địa chỉ thông báo. Bên gửi Thông báo sẽ không phải chịu trách nhiệm khi bên nhận không nhận được các Thông báo

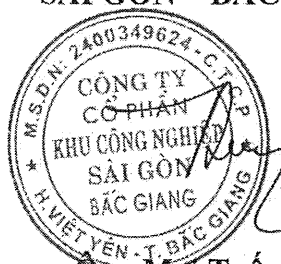


do bên nhận không cập nhật địa chỉ thông báo kịp thời. Hiệu lực của Thông báo được tính kể từ thời điểm gửi đi.

#### **ĐIỀU 19: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 19.1. Hợp đồng này được ký kết dựa trên cơ sở thống nhất ý chí của các bên. Các Bên cam kết rằng mình có đủ quyền hạn, năng lực để ký kết Hợp đồng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những cam kết của mình trong Hợp đồng.
- 19.2. Các Phụ lục đính kèm theo Hợp đồng và Bản vẽ chi tiết lô đất là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chỉ có giá trị khi được các bên thống nhất xác lập bằng Phụ lục hợp đồng và có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền của hai bên.
- 19.3. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này được cơ quan tiến hành tố tụng hoặc các cơ quan có thẩm quyền công bố là không hợp lệ, không thể thực thi hoặc trái với các quy định của pháp luật hiện hành thì tùy từng thời điểm, khi đó:
- (i) Các quy định còn lại của Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng do công bố không hợp lệ, không thể thực thi và các điều khoản đó sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc các Bên; và
  - (ii) Các Bên sẽ thảo luận, đàm phán và thay thế các điều khoản không phù hợp đó bằng các điều khoản thích hợp được thể hiện và ký kết bởi một Phụ lục hợp đồng.
- 19.4. Hợp đồng thuê lại đất này được lập thành 10 bản tiếng Việt. Mỗi bên giữ 04 bản, 02 bản còn lại gửi các cơ quan có liên quan.

**BÊN A**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP**  
**SÀI GÒN – BẮC GIANG**



**Ông Mai Tuấn Dũng**  
**Tổng Giám Đốc**

**BÊN B**  
**CÔNG TY TNHH RUNYANG**  
**TECHNOLOGY VIỆT NAM**



**Ông WEI ZHONG**  
**Tổng Giám Đốc**

*[Handwritten signature]*



# BẢN VẼ BẢN GIAO TẠI HIỆN TRƯỜNG

Ngày hoàn thành: - - 2019

HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

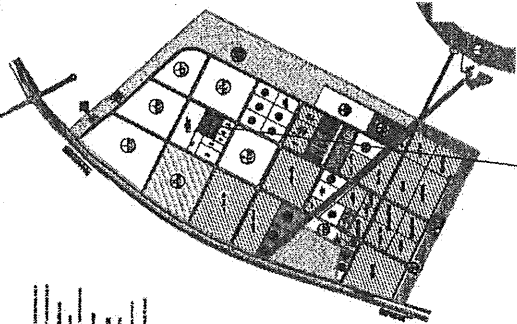
QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

QUỐC DƯƠNG: NGUYỄN VĂN AN

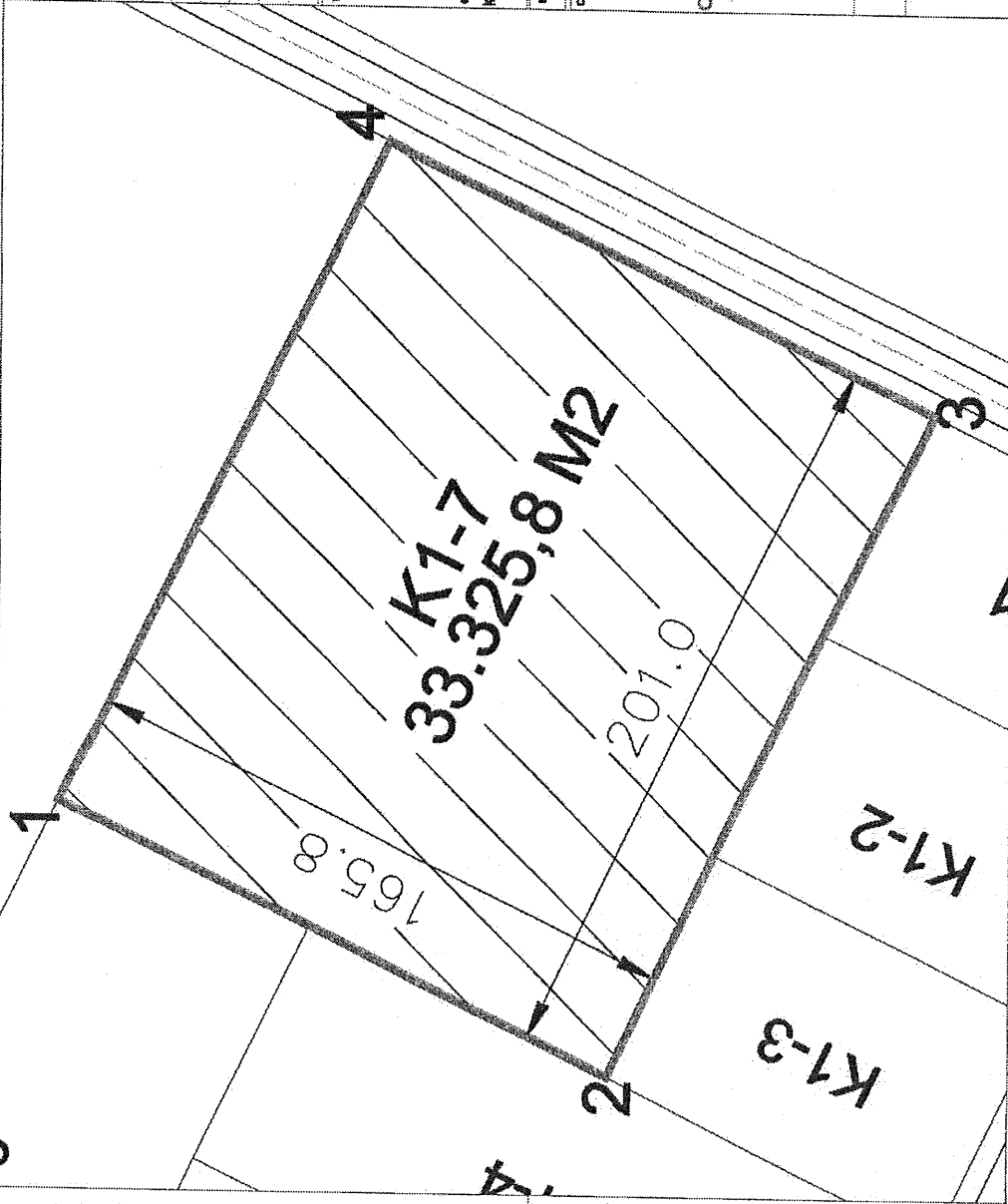
BẮC GIANG PROVINCE  
LAND LEASING MAP IN QUANG CHAU IP



## VỊ TRÍ LÔ ĐẤT

Tọa độ các mốc giới:  
 Tọa độ điểm 1: X=460284.0208 Y=2348822.9649  
 Tọa độ điểm 2: X=460211.3658 Y=2348873.9217  
 Tọa độ điểm 3: X=460392.0392 Y=2348885.9417  
 Tọa độ điểm 4: X=460464.9843 Y=2348734.8748

*D-2019*



MẶT BẰNG TỌA ĐỘ VỊ TRÍ LÔ K1-7  
 KCN QUANG CHÂU

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO


TRẮC ĐẠC

GD. KỸ THUẬT XD

MẶT BẰNG VỊ TRÍ,  
 TỌA ĐỘ LÔ K1-7

QH:01

Tôi – **Tô Hải Ninh** (CMND số: 027084000037 cấp ngày 15/05/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư ; Hộ khẩu thường trú: Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội) cam đoan không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ về tài sản liên quan đến việc công chứng. Tôi cam đoan đã dịch đầy đủ và chính xác toàn bộ nội dung Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng này cho ông **WEI ZHONG** nghe, ông **WEI ZHONG** đã hiểu và đồng ý với nội dung Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng này. Tôi – **Tô Hải Ninh** - hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc phiên dịch hợp đồng này.

  
Tô Hải Ninh



## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 07 tháng 11 năm 2019 (Ngày mùng bảy, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Tại Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn-Bắc Giang, địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và tại trụ sở Văn phòng công chứng Thiên Long tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Số 14 đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tôi – **Đỗ Đình Tụng**, Công chứng viên Văn phòng công chứng Thiên Long, tỉnh Bắc Giang, ký tên dưới đây.

### CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng này được giao kết giữa:

#### **1. BÊN CHO THUÊ LAI ĐẤT:** (Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – BẮC GIANG**

Đại diện : Ông Mai Tuấn Dũng

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Khu công nghiệp Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Điện thoại : (84.204) 3868 888

Fax: (84.204) 3868 449

Tài khoản số : 118.000.207.381 (USD) – 114.000.180.620 (VND) tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh KCN Quế Võ.

#### **2. BÊN THUÊ LAI ĐẤT:** (Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

#### **CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

Đại diện : Ông WEI ZHONG

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Số hộ chiếu : EH2421498; cấp ngày: 23/09/2019 tại: Cục quản lý di dân nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Địa chỉ : Một phần lô K (K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh và xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

**Người phiên dịch là ông: Tô Hải Ninh** (CMND số: 027084000037 cấp ngày 15/05/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, hộ khẩu thường trú: Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này;  
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Bên A đã tự đọc lại dự thảo hợp đồng này, Bên B đã nghe người phiên dịch là ông Tô Hải Ninh dịch lại toàn bộ dự thảo hợp đồng. Hai bên đã đồng ý với nội dung ghi trong dự thảo hợp đồng và đã ký, đóng dấu vào Hợp đồng này trước mặt tôi;

- Hợp đồng này được lập thành 10 (mười) bản Tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau (mỗi bản có 13 (mười ba) tờ, 13 (mười ba) trang ghi nội dung của hợp đồng, 01 (một) trang ghi lời cam đoan của người phiên dịch và 01 (một) trang ghi lời chứng của công chứng viên). Bên A giữ 04 (bốn) bản Tiếng Việt, Bên B giữ 05 (năm) bản Tiếng Việt, 01 (một) bản Tiếng Việt lưu tại Văn phòng công chứng Thiên Long, tỉnh Bắc Giang.

Số Công chứng: 3687/2019, Quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN  
**Đỗ Đình Tụng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- o0o -----

**BIÊN BẢN BÀN GIAO MẶT BẰNG**

(V/v: Bàn giao lô K (K1-7) – KCN Quang Châu – Việt Yên – Bắc Giang)

Hôm nay vào hồi 8h00', ngày 12 tháng 12 năm 2019

tại hiện trường KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang chúng tôi gồm:

**I/ THÀNH PHẦN:**

- Bên bàn giao (Bên A): Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn – Bắc Giang.**
  - Đại diện: Ông Mai Tuấn Dũng Chức vụ: Tổng Giám đốc.
  - Đại diện: Ông Lương Trường Sơn Chức vụ: P. GD KT-XD.
  - Đại diện: Ông Lê Xuân Trung Chức vụ: P. GD KT-XD.
- Bên nhận bàn giao (Bên B): Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.**
  - Đại diện Ông Wei Zhong Chức vụ: Tổng Giám đốc

**II/ NỘI DUNG BÀN GIAO:**

Sau kiểm tra đo đạc thực tế ngoài hiện trường, hai bên thống nhất các số liệu bàn giao lô K (K1-7) như sau:

- Diện tích và cao độ bàn giao:**  
Diện tích lô K (K1-7) là : 33.325,8 m<sup>2</sup>.  
Cao độ bàn giao : +4,0 m
- Tọa độ bàn giao**

**BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI LÔ K (K1-7)**

TT	Tên điểm	Tọa độ ranh đất		Ghi chú
		X (m)	Y (m)	
1	Điểm 1	460284.0208	2348822.9549	
2	Điểm 2	460211.3658	2348673.9217	
3	Điểm 3	460392.0392	2348585.8417	
4	Điểm 4	460464.6943	2348734.8749	

(Bản vẽ chi tiết bàn giao kèm theo)

**3. Kết luận**

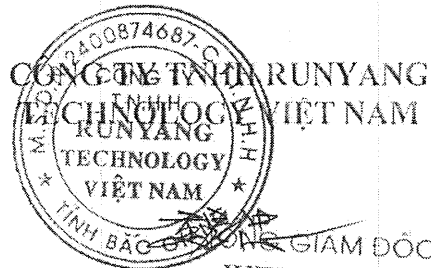
Bên B đồng ý nhận bàn giao lô K (K1-7) đúng theo biên bản bàn giao này và Bên A đồng ý để Bên B được phép triển khai thi công trên diện tích đã nhận bàn giao.

Biên bản được lập thành mười bản (10 bản) có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ bảy bản (07 bản) bên B giữ ba bản (03 bản).

**CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP  
SÀI GÒN - BẮC GIANG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
MAI TUẤN DŨNG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
WEI ZHONG**





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----oOo-----  
**BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐIỂM  
ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Căn cứ vào *Hợp đồng thuê đất số: 81/HĐTLĐ-QC/2019 ký ngày 07 tháng 11 năm 2019* giữa Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang và Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Hôm nay, ngày 03. tháng 04. năm 2020, tại Văn phòng Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang, chúng tôi gồm:

**A/. Đại diện: Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang**

Ông: **Mai Tuấn Dũng**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

**B/. Đại diện: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam**

(Địa chỉ: Một phần lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam)

Ông: **Wei Zhong**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Hai bên thống nhất các nội dung như sau:

**1. Điểm đầu nối cống:**

- Số lượng: 01 cống.
- Vị trí: Cống xuất - nhập hàng (theo theo bản vẽ đính kèm), rộng: 14.8m

**2. Điểm đầu cấp nước, thoát nước mưa; thoát nước thải:**

**a) Điểm đầu nước sạch:**

- Số lượng: 01 điểm.
- Vị trí: theo bản vẽ đính kèm.

**b) Điểm đầu thoát nước thải công nghiệp:**

- Số lượng: 01 điểm vào hố ga số G34-3.
- Vị trí: được đầu vào hố ga số G34-3 theo bản vẽ đính kèm

**c) Điểm đầu thoát nước mưa:**

- Số lượng: 01 điểm (đầu vào hố ga HTT7 của khu công nghiệp).
- Vị trí: theo bản vẽ đính kèm.

**d) Điểm đầu nối điện trung thế:**

- Số lượng: 01 điểm.
- Vị trí: theo bản vẽ đính kèm.

3. Trước khi đầu nối hạ tầng, Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có văn bản thông báo kế hoạch thực hiện gửi cho Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn - Bắc Giang (gọi tắt là Công ty Sài Gòn - Bắc Giang) biết để cử nhân viên giám sát việc đầu nối.

4. Công thoát nước của nhà máy trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của Khu Công nghiệp phải có hố ga sát hàng rào và nằm trong đất của Công ty. Kích thước từ đáy cống đến hố ga  $\geq 300\text{mm}$ , có lưới chắn rác mắt lưới 5 cm x 5 cm và có cửa phai đóng mở. Khoảng cách tối thiểu từ đáy cống ( nằm bên trên ) tới đáy hố ga (nằm bên dưới) phải lớn hơn 0,3 m. Khi tiến hành đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Chi nhánh Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam phải thông báo kế hoạch thực hiện cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang bằng văn bản để giám sát việc đầu nối.



5. Công ty tự xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo cột B, QCVN:40-2011 của Bộ Tài Nguyên Môi Trường về nước thải công nghiệp, sau đó mới được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Nước thải của nhà máy trước khi dẫn vào hệ thống thoát nước thải của KCN phải qua hố ga kiểm tra có kích thước tối thiểu là : BxLxH = 1,5m x 1,5m x2m đáy hố ga phải sâu hơn đáy đường ống là 60cm và có song chắn rác mắt lưới 1cm x 1cm, cửa phai đóng mở để quan trắc chất lượng nước thải. Khối lượng nước thải được tính bằng 80% lưu lượng nước cấp cho doanh nghiệp hoặc theo số nước thải được đồng hồ đo vị trí xả thải (nếu có). Nghiêm cấm xả nước thải ô nhiễm vào hệ thống thoát nước mưa và ra ngoài môi trường.
6. Giá dịch vụ nước thải theo thỏa thuận giữa Công ty Sài Gòn – Bắc Giang và Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam
7. Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam phải đầu nối các hệ thống hạ tầng theo đúng biên bản thỏa thuận đầu nối. Nếu có sự thay đổi hoặc phát sinh các điểm đầu nối thoát nước, cấp nước, cấp điện của nhà máy trong quá trình sản xuất thì phía Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam phải thông báo cho Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Bắc Giang chấp thuận bằng văn bản.
8. Tại vỉa hè của khu công nghiệp có các công trình ngầm. Đường giao thông nội bộ từ Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam nối vào đường giao thông của khu công nghiệp đi ngang qua các công trình ngầm này. Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam bỏ chi phí gia cố (đúc đan bê tông chịu lực đặt trên các công trình ngầm này). Nhân viên giám sát của hai Bên thoả thuận chi tiết phương án gia cố và ghi vào Biên bản làm việc. Việc gia cố thực hiện trên cơ sở các công trình ngầm hoạt động tốt; đảm bảo mỹ quan và thuận tiện cho việc quản lý hạ tầng sau khi gia cố xong.
9. Nếu thay đổi hoặc phát sinh điểm đầu nối khác, Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do và vị trí cần đầu nối (có kèm bản vẽ) gửi cho Công ty Sài Gòn - Bắc Giang và phải được Công ty Sài Gòn – Bắc Giang thoả thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
10. Trong quá trình xây dựng nhà máy, Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam tuân thủ các quy định về các thủ tục xây dựng nhà máy trong khu công nghiệp Quang Châu.  
Biên bản này làm cơ sở để lập hồ sơ thiết kế cơ sở (các bản vẽ hạ tầng khu công nghiệp) trình lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở tại Ban quản lý các Khu công nghiệp Bắc Giang.  
Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung nêu trên, biên bản được lập thành 06 bản, bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) có giá trị pháp lý như nhau.

**CTY CP KCN  
SÀI GÒN - BẮC GIANG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
MAI TUẤN DŨNG**

**CÔNG TY TNHH RUNYANG  
TECHNOLOGY VIỆT NAM**



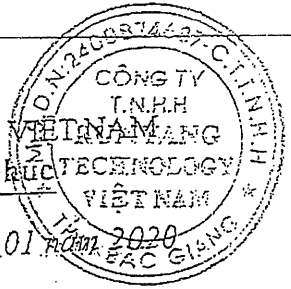
**TỔNG GIÁM ĐỐC  
WEI ZHONG**



UBND TỈNH BẮC GIANG  
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2020



## GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 4 /2020/GPXD

1. **Cấp cho:** Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Địa chỉ: Lô K - KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. **Được phép xây dựng:** Các công trình thuộc dự án Nhà máy Runyang Technology Việt Nam;

Địa điểm xây dựng: Một phần lô K KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất sử dụng là 33.325,8m<sup>2</sup>.

- Đơn vị thiết kế: Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp - NTĐ.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty CP xây dựng số 10.

- Mật độ xây dựng: 60%, hệ số sử dụng đất: 0,65 lần.

- Tổng số công trình được cấp phép xây dựng: 05 công trình và các công trình phụ trợ.

2.1. **Công trình Nhà Văn phòng + Nhà ăn** (vị trí số 01 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 520m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 1.597m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: 11,95m.

- Số tầng: 03 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,45m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư, Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái lát gạch chống nóng.

2.2. **Công trình Nhà xưởng 02** (vị trí số 02 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 6.190m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 6.190m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: 13,9m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà xưởng cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,3m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái màu xanh.

**2.3. Công trình Nhà xưởng 03 (vị trí số 03 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):**

- Diện tích xây dựng tầng 1:  $4.928\text{m}^2$ .

- Tổng diện tích sàn:  $4.928\text{m}^2$ .

- Chiều cao công trình: 19,3m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà xưởng cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,3m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái màu xanh.

**2.3. Công trình Nhà xưởng 04 (vị trí số 04 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):**

Diện tích xây dựng là  $7.216\text{m}^2$ , diện tích sàn là  $7.216\text{m}^2$  thiết kế 01 tầng với chiều cao đỉnh mái 13,9m tính từ cốt nền đường nội bộ (cốt +0,0 nhà xưởng cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,3m);

- Diện tích xây dựng tầng 1:  $7.216\text{m}^2$ .

- Tổng diện tích sàn:  $7.216\text{m}^2$ .

- Chiều cao công trình: 13,9m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà xưởng cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,3m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái màu xanh.

**2.5. Công trình Nhà để xe, phòng nghỉ giữa ca (kí hiệu số 5 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):**

- Diện tích xây dựng tầng 1:  $639\text{m}^2$ .

- Tổng diện tích sàn:  $1.340\text{m}^2$ .

- Chiều cao công trình: 7,75m.

- Số tầng: 02 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,15m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái màu xanh.

**2.6. Công trình Nhà bảo vệ, phòng máy bơm, bể nước ngầm:** (kí hiệu số 06 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 32m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 43m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: 4,2m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,3m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái BT.

**2.7. Trạm bơm + bể nước PCCC** (kí hiệu số 07 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 168m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 210m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: 4,1m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,3m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái BT.

**2.8. Trạm biến áp** (kí hiệu số 08 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 150m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 180m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: 4,1m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà cao hơn cốt sân đường nội bộ 0,3m (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).



- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái BT.

2.9. Nhà thu gom rác (kí hiệu số 09 trên bản vẽ mặt bằng tổng thể):

- Diện tích xây dựng tầng 1: 40m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 40m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: 4,3m.

- Số tầng: 01 tầng.

- Cốt nền xây dựng công trình: cốt +0,0 nhà bằng cốt sân đường nội bộ (Cốt sân đường nội bộ tương đương với cốt +4,20 theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu).

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Chỉ giới đường đỏ là ranh giới lô đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Chủ đầu tư; Chỉ giới xây dựng và vị trí xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng định vị công trình.

- Màu sắc công trình: Tường màu trắng, mái màu xanh.

2.10. Các công trình phụ trợ: Sân đường, công tường rào, hệ thống thoát nước mưa, thu gom nước thải, trạm biến áp, hệ thống cấp nước, cấp điện, cảnh quan cây xanh theo hồ sơ thiết kế.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 81/HĐTLĐ-QC/2019 ngày 07/11/2019 giữa Công ty cổ phần KCN Sài Gòn-Bắc Giang và Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

4. Hiệu lực khởi công: Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng từ ngày cấp; Nếu quá 12 tháng mà chưa khởi công công trình theo giấy phép thì chủ đầu tư phải đề nghị ra hạn giấy phép xây dựng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam;

- Công ty CP KCN Sài Gòn-Bắc Giang;

- Lưu: VT, TNMT.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Ban;

- Phòng TNMT;

- CV trực 1 cửa.



**ĐỀ NGHỊ CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM  
THỰC HIỆN NGHIỆM CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, luật phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và đầu tư xây dựng theo Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản ngày khởi công của công trình cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang trong đó ghi rõ các nội dung (như ngày khởi công, tên và số điện thoại của cán bộ chỉ huy trưởng công trình; Đội trưởng đội thi công; đại diện cán bộ giám sát của chủ đầu tư...).
- Khi thi công xong phần nền móng các công trình (đến cốt +0.00 cốt xây dựng các tầng), Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có trách nhiệm thông báo cáo về Ban Quản lý các KCN để Ban cử cán bộ phối hợp kiểm tra nghiệm thu hạng mục công trình, làm cơ sở để triển khai thi công các hạng mục tiếp theo.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan chức năng trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng phải xin phép điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng mới được thực hiện.
6. Sau khi xây dựng hoàn thành công trình, chủ đầu tư báo cáo bằng văn bản về Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang để tiến hành kiểm tra công tác nghiệm thu công trình, làm cơ sở cho việc bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo quy định.

**ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XD**

1. Nội dung điều chỉnh:

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



UBND TỈNH BẮC GIANG  
**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 881 /KCN-QHXD

Bắc Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2023

V/v lắp đặt bổ sung một số hạng mục  
công trình thuộc dự án “Nhà máy  
RunYang Technology Việt Nam”

Kính gửi: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam

Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang nhận được Văn bản số 230512/RUNYANG-CV ngày 15/5/2023 của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam về việc xin chấp thuận chủ trương lắp đặt bổ sung sàn thao tác, vách ngăn và mái che công trình thuộc dự án “Nhà máy RunYang Technology Việt Nam”. Sau khi xem xét, Ban Quản lý các KCN có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chủ trương phương án lắp đặt bổ sung một số hạng mục công trình thuộc dự án “Nhà máy RunYang Technology Việt Nam” tại lô K (K1-7), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

- Nhà xưởng số 2: Lắp đặt vách panel ngăn chia thành các phòng chức năng trong phạm vi trục 2-3 và H-I, trục 9-11 và H-I.

- Nhà xưởng số 3: Bổ sung sàn thao tác trong phạm vi trục 1-13 và trục C-E, trục 2-13 và trục A-B; lắp đặt vách panel ngăn chia thành các phòng chức năng trong phạm vi trục 1-2 và A-B, trục 14-15 và A-B.

- Nhà xưởng số 4: Bổ sung sàn thao tác trong phạm vi trục 6-8 và A-I; lắp đặt vách panel ngăn chia thành các phòng chức năng trong phạm vi trục 1-5 và A-E, trục 12-15 và A-D, trục 1-3 và H-I, trục 14-15 và F-I.

- Bổ sung mái nổi canopy giữa xưởng số 2 và số 3, xưởng số 2 và số 4 (kích thước: mái nổi giữa xưởng 2 và 3 dài 13m, rộng 10m, cao 4,75m; mái nổi giữa xưởng 2 và 4 dài 13.8m, rộng 10m, cao 4,75m).

2. Yêu cầu Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam: Trong quá trình tổ chức thực hiện cần chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn, chất lượng công trình, tuân thủ các giải pháp về PCCC theo nội dung công văn số 3943/CSPCCC&CNCH ngày 02/12/2020, số 5992/TD-PCCC ngày 20/12/2022 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Bắc Giang, quy định về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp thông báo để Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam biết làm căn cứ thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Như Long





CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1680/CSPCCC&CNCH

Bắc Giang, ngày 04 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Văn bản thẩm duyệt số 5992/TD-PCCC ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 28/CV-PC ngày 13/3/2023 của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông: WEI ZHONG, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình điều chỉnh, bổ sung sàn thao tác - Nhà máy Runyang Technology Việt Nam với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: lô K(K1-7), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH một thành viên PCCC Ngôi Sao.

Quy mô công trình gồm: bổ sung sàn thao tác 01 tầng, dài 65m, rộng 9m, cao 3m; sử dụng vách panel ngăn phòng tại vị trí giới hạn bởi trục 13-15 và trục A-D, trục 1-5 và trục A-E tại nhà xưởng 1. Bổ sung sàn thao tác 02 tầng, dài 109,75m, rộng 8,41m, cao 4,55m tại nhà xưởng 2 (Nhà xưởng 1 xây dựng 01 tầng, diện tích sàn 7.216m<sup>2</sup>; nhà xưởng 2 xây dựng 01 tầng, diện tích sàn 4.928m<sup>2</sup>). Bổ sung mái nổi canopy giữa xưởng số 1 và số 3, xưởng số 2 và số 3 có kích thước: mái nổi giữa xưởng 1 và 3 dài 13,8m, rộng 10m, cao 4,75m; mái nổi giữa xưởng 2 và 3 dài 13m, rộng 10m, cao 4,75m.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Lối thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động Spinkler;

- Trang bị bình chữa cháy tại chỗ.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Cục Cảnh sát PCCC và CNCH
  - Đ/c Giám đốc CAT
  - Đ/c Thân Văn Duy - PGĐ
  - Lưu: TM.
- (để b/c);

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Viện

STT	Loại thiết bị	Tên thiết bị
1	Thiết bị dập lửa	Bình CO2
2		Bình bột khô MFZL4
3		Bình bột chữa cháy BC 35kg
4		Hộp họng chữa cháy vách tường
8		Thiết bị phun nước tự động sprinkler
9	Thiết bị cảnh báo	Tủ trung tâm báo cháy
10		Tổ hợp Chuông, đèn báo cháy thủ công
11		Đầu dò cảm ứng khói (beam)
12		Đầu báo nhiệt
13		Đầu báo khói quang
14	Thiết bị	Đèn Exit
15	biểu thị	Đèn chiếu sáng khẩn cấp (mắt mèo)
16	Hệ thống cấp nước chữa cháy	Trụ cấp nước
17		Trụ tiếp nước
18		Máy bơm chữa cháy chính động cơ điện WINDY có p=90kw
19		Máy bơm chữa cháy dự phòng động cơ diesel đầu bơm Windy động cơ ISUZU - SINGGAPOPE
20		Bơm bù áp trực đứng nhiều lớp cánh P= 3Kw
21	Hệ thống chống sét	Hệ thống chống sét
22	Thiết bị hỗ trợ	Khay đặt bình chữa cháy
23		Loa cầm tay
24		Thang nhôm chữa cháy
25		Mũ chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ
26		Quần áo chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ
27		Găng tay chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ
28		Giày, ủng chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ
29		Mặt nạ lọc độc (đáp ứng QCVN 10:2012/BLĐTBXH)
		Đèn pin (độ sáng 200lm, chịu nước IPX4)
30		Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)
		Rìu cứu nạn (trọng lượng 2 kg, cán dài 90 cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)
31		Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5 kg, cán dài 50 cm)
32		Kìm cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60 kg)
33		Túi sơ cứu loại A
		Bộ đàm cầm tay (đáp ứng tiêu chuẩn IP54)
34		Cáng cứu thương (Kích thước 186 cm x 51 cm x 17 cm; Tải trọng 160 kg).

Quy Cách/ Xuất xứ	Đơn vị	Tổng SL thiết kế
Việt Nam	Bình	131
Việt Nam	Bình	262
Việt Nam	Bình	5
Việt Nam	Cái	70
Tyco/Anh	Đầu	2372
30 kênh Chungmei/Đài Loan	Tủ	1
Chungmei/Đài Loan	Bộ	39
GST/ Trung Quốc	Bộ	10
Chungmei/Đài Loan	Cái	32
Chungmei/Đài Loan	Cái	438
Lilang/ Trung Quốc	Cái	79
Lilang/ Trung Quốc	Cái	86
2 cửa/D100 Trung Quốc	Trụ	7
2 cửa/D100 Trung Quốc	Trụ	0
Việt Nam	Cái	1
Việt Nam	Cái	1
Quanchai/Trung Quốc	Cái	1
	HT	2
Việt Nam	Cái	97
Việt Nam	Cái	1
Việt Nam	Cái	0
Việt Nam	Cái	8
Việt Nam	Bộ	8
Việt Nam	Đôi	8
Việt Nam	Đôi	8
3M	Cái	5
Việt Nam	Cái	2
Việt Nam	Cái	1
Việt Nam	Cái	2
Việt Nam	Cái	1
Việt Nam	Cái	1
Việt Nam	Túi	4
Motorola/Trung Quốc	Cái	2
Akiko Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	4

Số: 201 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy*

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 1101/CV ngày 11/1/2020 của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Người đại diện là ông/bà: Wei Zhong Chức danh: Tổng giám đốc

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ**  
**CHỨNG NHẬN**

**Công trình: Nhà máy Runyang Technology Việt Nam**

Địa điểm xây dựng: Lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Đơn vị lập thiết kế: Công ty TNHH một thành viên PCCC Ngôi Sao.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- *Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách an toàn PCCC, lối thoát nạn;*
- *Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;*
- *Hệ thống chữa cháy bằng nước (hạng chữa cháy trong nhà, cột nước chữa cháy ngoài nhà, chữa cháy tự động sprinkler); bình chữa cháy xách tay;*
- *Bậc chịu lửa công trình; hệ thống chống sét*

theo tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

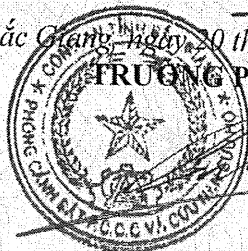
**Yêu cầu kèm theo:**

- Lắp đặt bổ sung hạng tiếp nước chữa cháy cho các nhà xưởng.

**Nơi nhận:**

- Cục CS PCCC&CNCH (để báo cáo);
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Lưu PCCC (TM).

Bắc Giang, ngày 20 tháng 1 năm 2020



Thượng tá Nguyễn Việt Bình

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC  
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

<b>SỐ TT</b>	<b>TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ</b>	<b>KÝ HIỆU</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1	Hồ sơ thiết kế thi công		
2	Thuyết minh TK PCCC		
3	Tổng mặt bằng giao thông, cấp nước chữa cháy, báo cháy	PCCC 01 đến PCCC 03	
5	Hệ thống báo cháy, chữa cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn nhà văn phòng, nhà ăn	PCCC 04 đến PCCC 16	
6	Hệ thống báo cháy, chữa cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn xưởng 02	PCCC 17 đến PCCC 22	
7	Hệ thống báo cháy, chữa cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn xưởng 03	PCCC 23 đến PCCC 28	
8	Hệ thống báo cháy, chữa cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn xưởng 04	PCCC 29 đến PCCC 34	
9	Hệ thống báo cháy, chữa cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn nhà nghỉ ca, nhà xe	PCCC 35 đến PCCC 39	
10	Sơ đồ không gian chữa cháy vách tường	PCCC 40	
11	Sơ đồ không gian chữa cháy tự động spinkler	PCCC 41	
12	Chi tiết lắp đặt	PCCC 42 đến PCCC 47	
13	Hệ thống chống sét	CS 01 đến CS 03	



CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 842/CSPCCC&CNCH

Bắc Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2021

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC công  
trình Nhà máy Runyang Technology Việt Nam

Kính gửi: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 201/TD-PCCC ngày 20/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 30/CV-20 ngày 20/10/2020 và văn bản số 16 ngày 15/3/2021 của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông: WEI ZHONG, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 05 tháng 11 năm 2020 và ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Nhà máy Runyang Technology Việt Nam với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Vinaincon và Công ty TNHH một thành viên PCCC Ngôi Sao.

Quy mô công trình: gồm 03 nhà xưởng và công trình phụ trợ: nhà xưởng thứ nhất xây dựng 01 tầng, diện tích 6.190 m<sup>2</sup>, nhà xưởng thứ hai xây dựng 01 tầng, diện tích 4.928 m<sup>2</sup>, nhà xưởng thứ ba xây dựng 01 tầng, diện tích 7.216 m<sup>2</sup>; phòng nghỉ giữa ca và nhà để xe 02 tầng, diện tích 700 m<sup>2</sup>/tầng; nhà văn phòng và nhà ăn 03 tầng, diện tích 483 m<sup>2</sup>/tầng.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Bậc chịu lửa công trình;
- Lối ra thoát nạn, đường thoát nạn;
- Khoảng cách phòng cháy chống cháy; đường cho xe chữa cháy;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chống sét;
- Hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

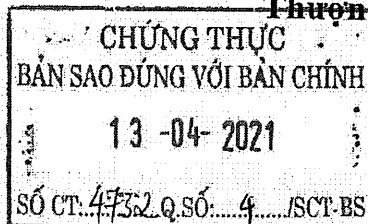
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng. /*rol*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TM.



Thượng tá Nguyễn Viết Bình



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Trần Vương Thành*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 918 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 562/TTr-TNMT ngày 05/9/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu (KCN), thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam”, địa chỉ tại một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Runyang Technology Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp 2400874687 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/11/2019.

1.4. Mã số thuế: 2400874687

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích là 33.325,8 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Sản xuất tấm đệm lót trải sàn dùng cho trẻ em tập bò, tấm đệm dùng ngoài trời, tấm EVA 70.000.000 m<sup>2</sup>/năm ổn định (tăng thêm 50.000.000 m<sup>2</sup>/năm).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” tại một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” tại một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

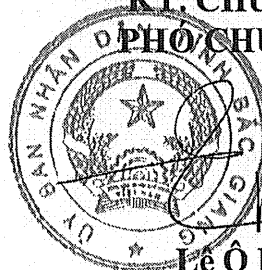
**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTN;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

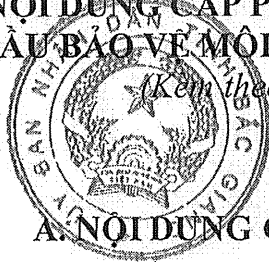


**Lê Ô Pích**



## Phụ lục 1

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**



(Kèm theo Giấy phép môi trường số 918 /QĐ-UBND  
ngày 12 /9/2022 của UBND tỉnh)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án.

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 33 m<sup>3</sup>/ngày của dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (KCN) Quang Châu.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

#### **2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (hố ga G34-3 thuộc hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu), hố ga nằm ở phía Đông của dự án, nằm ngoài hàng rào, cách cổng công ty khoảng 100 m về hướng Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°): X = 2348601; Y = 408334.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 33 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tương đương khoảng 1,375 m<sup>3</sup>/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án được xả theo phương thức tự chảy theo đường ống uPVC D250 (chiều dài khoảng 12m) vào hố ga G34-3 đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:



STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/l	50	
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150	
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/l	0,5	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
8	Tổng Nito	mg/l	40	
9	Tổng Photpho	mg/l	6	
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt:

Công trình thu gom:

- Nước thải từ nhà vệ sinh được theo đường ống uPVC D100 đưa về bể tự hoại để xử lý sơ bộ (08 bể, tổng thể tích 66 m<sup>3</sup>), sau đó theo đường ống uPVC D110-D250 và ống HDPE D63-D150 đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 33 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải từ nhà bếp được qua song chắn rác theo đường ống uPVC D100 đưa về bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ (01 bể, thể tích 3 m<sup>3</sup>), sau đó theo đường ống uPVC D110-D250 và ống HDPE D63-D150 đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 33 m<sup>3</sup>/ngày.

Tổng chiều dài tuyến ống uPVC D110-D250 và ống HDPE D63-D150 thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải sinh hoạt của dự án khoảng 472 m.

\* Nước làm mát:

Công trình thu gom: Hệ thống ống thép tráng kẽm thu gom nước thải làm mát từ hệ thống máy đun ép nhựa về tháp giải nhiệt. Nước sau khi giải nhiệt được đưa về bể chứa nước tuần hoàn, sử dụng tuần hoàn cho sản xuất.

\* Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải

Công trình thu gom: Nước từ hệ thống hấp thụ xử lý khí thải của dự án được thu gom bằng hệ thống đường ống uPVC100 từ hệ thống xử lý khí thải về hệ thống xử lý nước từ quá trình xử lý khí thải công suất 6 m<sup>3</sup>/giờ. Nước thải sau xử lý được đưa về bể chứa nước tuần hoàn, sử dụng tuần hoàn cho hệ thống hấp thụ xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ) → Hồ thu gom (tách rác) → Bể điều hòa lưu lượng → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B) → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Châu. Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 33 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Dinh dưỡng (mật mía): 1,5 kg/tháng;

+ Hóa chất khử trùng Chlorine viên nén: 0,8 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố trạm xử lý nước thải

\* Biện pháp phòng ngừa

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

\* Biện pháp ứng phó

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một

số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Đã kết thúc vận hành thử nghiệm và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4675/GXN-TNMT ngày 30/12/2021.

2.1.2. Công trình, thiết bị xả nước thải đã vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 33 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.1.3. Vị trí lấy mẫu: Điểm xả nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thoát ra hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu.

2.1.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI**  
**TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 948 /QĐ-UBND  
ngày 12 /9/2022 của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Gồm có 03 nguồn khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất như sau:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 01;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02;
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn cấp liệu, trộn nguyên liệu tại xưởng 01.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Dòng khí thải: 05 dòng khí thải sau 05 hệ thống xử lý trước khi xả ra môi trường và 01 dòng bụi sau hệ thống xử lý bụi. Cụ thể:

- + Dòng khí thải số 01: Dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 01.
- + Dòng khí thải số 02: Dòng khí thải tại ống khói số 01 sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02.
- + Dòng khí thải số 03: Dòng khí thải tại ống khói số 02 sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02.
- + Dòng khí thải số 04: Dòng khí thải tại ống khói số 03 sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02.
- + Dòng khí thải số 05: Dòng khí thải tại ống khói số 04 sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02.
- + Dòng khí thải số 06: Dòng bụi sau hệ thống xử lý bụi tại xưởng 01.

2.2. Vị trí xả khí thải: 05 vị trí tại 05 ống khói của 05 hệ thống xử lý khí thải và 01 vị trí tại 01 ống khói của hệ thống xử lý bụi.

- 01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 01. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°): X= 2348636, Y= 408311.

- 01 vị trí tại ống khói số 1 sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°): X= 2348729, Y= 408173.

- 01 vị trí tại ống khói số 2 sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°): X= 2348747; Y= 408182.

- 01 vị trí tại ống khói số 3 sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000,

kinh tuyến trục  $107^\circ$ , múi chiều  $3^\circ$ ):  $X=2348795$ ;  $Y=408207$ .

- 01 vị trí tại ống khói số 4 sau hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^\circ$ , múi chiều  $3^\circ$ ):  $X=2348833$ ;  $Y=408226$ .

- 01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý bụi tại xưởng 01. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^\circ$ , múi chiều  $3^\circ$ ):  $X=2348667$ ;  $Y=408327$ .

### 2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

+ Dòng khí thải số 01:  $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ , tương đương  $280.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ Dòng khí thải số 02:  $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ , tương đương  $720.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ Dòng khí thải số 03:  $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ , tương đương  $720.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ Dòng khí thải số 04:  $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ , tương đương  $720.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ Dòng khí thải số 05:  $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ , tương đương  $720.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

+ Dòng khí thải số 06:  $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ , tương đương  $480.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong 08 giờ sản xuất, chu kỳ xả: 08 giờ/ngày.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

- Đối với khí thải tại công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 01 đảm bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 19:2009/BTNMT cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	200	03 tháng/lần
2	Cacbon oxit, CO	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	1000	
3	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	850	
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	500	
5	Amoniac và các hợp chất của amoni	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	50	
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	30	06 tháng/lần



- Đối với khí thải tại công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02 đảm bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT.

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	03 tháng/lần
2	Carbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	-	
3	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	-	
5	Amoniac và các hợp chất của amoni	mg/Nm <sup>3</sup>	50	-	
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	mg/Nm <sup>3</sup>	30	-	06 tháng/lần
7	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	

- Đối với bụi sau hệ thống xử lý bụi tại xưởng 01 đảm bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 19:2009/BTNMT cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	03 tháng/lần

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Tại công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 01: Bố trí 14 chụp hút (kích thước 1000mm x 350mm x 250mm) tại vị trí phát sinh khí thải để hút khí thải. Khí thải sau đó theo các đường ống dẫn khí có kích thước như sau Ø273mm - 50m; Ø400mm - 9m; Ø500mm - 51,5m đưa về hệ thống xử lý khí thải của công đoạn đùn ép để xử lý.

- Tại công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02: Bố trí 20 chụp hút (kích thước Ø273mm – 2000mm) tại vị trí phát sinh khí thải để hút khí thải. Khí thải sau đó theo các đường ống dẫn khí có kích thước như sau Ø400mm - 33m; Ø500mm - 25m; Ø600mm - 12,5m; Ø700mm - 73,5m đưa về 04 hệ thống xử lý khí thải của công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu để xử lý.

- Tại công đoạn xử lý bụi tại xưởng 01: Bố trí 14 chụp hút (kích thước Ø500mm - 0,6m; Ø400mm - 0,5m; Ø200mm - 0,3m) tại vị trí phát sinh bụi để hút bụi phát sinh. Bụi sau đó theo các đường ống dẫn khí có kích thước như sau Ø700mm – 24,6m, Ø500mm - 23m; Ø400mm - 8,5m; Ø300mm - 2,5m; Ø200mm - 23,5m đưa về hệ thống xử lý bụi để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

\* Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng 01 (gồm 01 hệ thống)

- Tóm tắt quy trình công nghệ

Khí thải → chụp hút, ống dẫn, quạt hút → cụm thiết bị quang xúc tác (đèn UV), tủ than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí thải (ống khói cao 13m) ra môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 10.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tầm lọc than hoạt tính khoảng 120 kg/lần, tần suất thay thế: 06 tháng/lần.

\* Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xốp, chiếu điện, in màu tại xưởng 02 (gồm 04 hệ thống, có cùng quy trình công nghệ và thiết kế)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → chụp hút, ống dẫn, quạt hút → tháp hấp thụ → thiết bị lọc bụi tĩnh điện ướt → cụm thiết bị quang xúc tác (đèn UV), tủ than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí thải (ống khói cao 18,3m) ra môi trường (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 30.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tầm lọc than hoạt tính khoảng 220 kg/lần thay/01 hệ thống, tần suất thay thế 06 tháng/lần.

\* Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cấp liệu, trộn nguyên liệu tại xưởng 01 (gồm 01 hệ thống)

- Tóm tắt quy trình công nghệ



Bụi phát sinh → chụp hút, ống dẫn → quạt hút → hệ thống lọc bụi túi → ống thoát khí thải (ống khói cao 12,5m) ra môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 20.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi, tần suất thay thế 01 năm/lần.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

#### \* Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

#### \* Biện pháp ứng phó

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Các công trình đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường

01 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn tạo bột xộp, chiếu điện, in màu tại nhà xưởng số 02 đã lắp đặt, vận hành thử nghiệm và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 4675/GXN-TNMT ngày 30/12/2021.

### 2.2. Các công trình đã kết thúc vận hành thử nghiệm

01 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn đun ép nhựa và 03 hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn tạo bột xộp, chiếu điện, in màu

2.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Đã kết thúc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải (thời gian vận hành thử nghiệm từ ngày 10/01/2022 đến ngày 30/03/2022).

2.2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 04 hệ thống xử lý khí thải.

- Vị trí lấy mẫu: ống thoát khí (ống khói) sau 04 hệ thống xử lý khí thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

### 2.2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất: Đã thực hiện lấy mẫu 15 ngày/lần (từ ngày 10/01/2022 đến ngày 11/03/2022).



- Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định: Đã thực hiện lấy mẫu

**2.3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý bụi công đoạn cấp liệu, trộn nguyên liệu tại xưởng 01:**

2.3.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 19/9/2022 đến ngày 21/9/2022.

2.3.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý bụi công đoạn cấp liệu, trộn nguyên liệu tại xưởng 01.

2.3.3. Vị trí lấy mẫu: Sau xử lý của hệ thống xử lý bụi công đoạn cấp liệu, trộn nguyên liệu tại xưởng 01.

2.3.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3.5. Tần suất lấy mẫu: Lấy mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần.

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi tại xưởng 01	Bụi tổng	01 ngày/01 lần. - Lấy mẫu trong vòng 03 ngày. - Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 19/9/2022; + Lần 2: Ngày 20/9/2022; + Lần 3: Ngày 21/9/2022.	QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

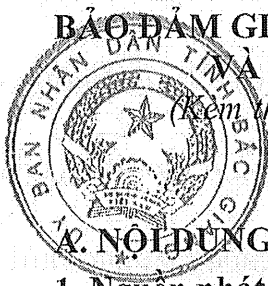
- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

### Phụ lục 3

## **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 918 /QĐ-UBND ngày 12 /9/2022 của UBND tỉnh)



### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

#### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại dự án.

#### **2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- 01 vị trí tại giữa xưởng 01. Tọa độ X: 2348699; Y: 408256 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

- 01 vị trí tại giữa xưởng 02. Tọa độ X: 2348789; Y: 408244 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

- 01 vị trí tại giữa xưởng 03. Tọa độ X: 2348784; Y: 408293 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

- Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

- Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

#### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.

Bôi trơn cho các chi tiết hoạt động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 – 6 tháng/lần.

Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió, tạo không gian rộng rãi, giảm khả năng vang vọng tiếng ồn.

Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

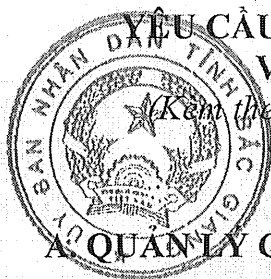
Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,....

Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4



**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*Kèm theo Giấy phép môi trường số 918 /QĐ-UBND  
ngày 12 /9/2022 của UBND tỉnh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: khoảng 68,71 tấn/năm, tương đương khoảng 5.730 kg/tháng, gồm:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	0,015
2	Dầu, mỡ tổng hợp thải (Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải)	0,13
3	Dầu truyền nhiệt thải (Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải)	2
4	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, hóa chất (Găng tay, dẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại)	0,55
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý khí thải	60
6	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	0,155
7	Bao bì mềm thải có chứa các thành phần nguy hại (bao bì phụ gia)	1
8	Mực in thải	0,06
9	Tấm bọt xốp thải có chứa thành phần nguy hại (dính mực)	1
10	Bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại	1
11	Bao bì kim loại cứng có chứa thành phần nguy hại	0,8
12	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải sau khi thay thế, thải bỏ	2
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>68,71</b>

BẮC GIẢI

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 74.083kg/tháng.

STT	Thành phần	Khối lượng (kg/tháng)
1	Đầu nhựa và sản phẩm lõi hỏng từ quá trình đùn ép	22.083
2	Bavia, đầu mẫu nhựa, sản phẩm lõi từ quá trình cắt tấm, cắt biên	51.750
3	Bao bì nguyên liệu thải, túi nilon, lõi cuộn băng dính, thùng carton...	250
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>74.083</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 165 kg/ngày tương đương 4.950 kg/tháng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại 25 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho CTNH có lắp biển cảnh báo nguy hại, có mái che, sàn đổ bê tông, có gờ chống tràn 15cm và hố thu CTNH dạng lồng kích thước 50cm x 50cm để phòng ngừa ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa chất thải trong từng khu vực sản xuất để lưu chứa chất thải.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa chất rắn công nghiệp thông thường: 200 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được ngăn cách với khu vực sản xuất bằng các vách ngăn lưới thép, vạch kẻ sơn và có biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng rác nhỏ dung tích 12 lít đặt tại khu vực văn phòng, các thùng 60 lít đặt tại khu vực khuôn viên xung quanh nhà xưởng, nhà ăn để thu gom chất thải.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

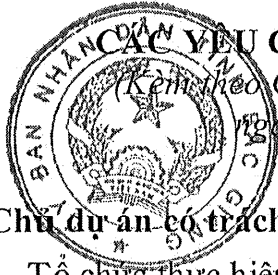
- Diện tích kho chứa chất rắn sinh hoạt: 15m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Móng bằng bê tông cốt thép (BTCT), khung cột BTCT mức 200, tường lửng, quay lưới thép, nền lát xi măng, mái lợp tôn.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

## Phụ lục 5



### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 948 /QĐ-UBND  
ngày 12 /9/2022 của UBND tỉnh)

#### Chức năng và trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi thải đầu nối với KCN Quang Châu, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 562/TTr-TNMT ngày 05/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.



Số: 4675 /GXN-TNMT

Bắc Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2021

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
của dự án “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam”

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

Địa chỉ văn phòng: Một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.

Địa điểm hoạt động: Một phần lô K(K1-7), khu công nghiệp Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.

Điện thoại: 0987.891.588.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400874687 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/11/2019.

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 600/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

**II. NỘI DUNG XÁC NHẬN**

- Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy Runyang Technology Việt Nam” (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- Chưa xác nhận đối với: 01 hệ thống xử lý khí thải công đoạn đùn ép nhựa tại xưởng số 4 và 03 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột, chiếu điện, in màu tại nhà xưởng số 3 theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu tại Quyết định phê duyệt số 600/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

**III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN**

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.



#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật/.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Phòng TN&MT h. Việt Yên;
- GDS, PGDS (ô. Tướng);
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Văn Tường**



**PHỤ LỤC**  
(Kèm theo Giấy xác nhận số 4675 /GXN-TNMT  
ngày 30 /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### **1. Công trình thu gom và xử lý nước thải, nước mưa**

- Nước mưa chảy tràn: Thiết kế hệ thống cống thoát nước mưa trên mặt bằng xây bằng cống bê tông cốt thép, kích thước D300 ÷ D400. Dọc theo cống thoát nước bố trí các hố ga tách cặn (kích thước hố ga 1x1x1,2m), khoảng cách giữa các hố ga là 5÷29m. Nước mưa sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu công nghiệp tại 01 điểm xả.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải nhà vệ sinh được thu qua ống PVC 110 về 08 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 66m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ; nước thải nhà bếp được thu gom bằng ống PVC 110 về bể tách dầu mỡ với thể tích là 4,5m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau đó được đưa về tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 33m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải của dự án sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường được đầu nối vào đường thu gom nước thải của khu công nghiệp tại 01 điểm xả.

Đã xây dựng, vận hành 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 33m<sup>3</sup>/ngày theo công nghệ sinh học; với quy trình xử lý gồm các bước: Nước thải (sau bể tự hoại) → Bể điều hoà lưu lượng → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý, thải ra hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Clo: 0,8 kg/tháng; mật đường nuôi cấy vi sinh.

### **2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

- Nhà xưởng được xây dựng, thiết kế thông thoáng và lắp đặt các quạt thông gió công nghiệp khu vực nhà xưởng để lưu thông không khí.

- Toàn bộ mặt bằng nhà xưởng và khu vực đường nội bộ của dự án được bê tông hoá; trồng cây xanh trong khu vực dự án.

- Đã đầu tư, lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ công đoạn tạo bột xộp tại nhà xưởng số 3 trước khi thải ra môi trường; với quy trình xử lý gồm các bước: Khí thải → Chụp hút, ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp phụ (sử dụng nước tuần hoàn) → Thiết bị quang xúc tác → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói thải ra môi trường (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

### **3. Công trình lưu giữ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị các thùng đựng rác tại các khu vực văn phòng, xưởng sản xuất,... và bố trí kho chứa có diện tích 15m<sup>2</sup> để thu gom, lưu giữ.

- Chất thải công nghiệp thông thường: Được thu gom vào các thùng chứa, lưu

trữ tạm thời tại kho chứa chất thải sản xuất có diện tích 200m<sup>2</sup> đặt trong xưởng sản xuất.

Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải.

#### **4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Đã bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 25 m<sup>2</sup>, kho có biển cảnh báo, mái che, sàn đổ bê tông, gờ chống tràn 15cm và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp xảy ra sự cố. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

#### **5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

Đã có kế hoạch quản lý môi trường và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường,...

#### **6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

Đã trang bị các thiết bị, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;...

#### **7. Chương trình quan trắc môi trường**

##### **a. Không khí làm việc**

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại 02 xưởng sản xuất.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>, Etylen (C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>), Vinyl axetat (CH<sub>2</sub>CHOOCCCH<sub>3</sub>), Amoni (NH<sub>3</sub>), Kẽm oxit (dạng khói, bụi), Toluene.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT và tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

##### **b. Khí thải**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải công đoạn tạo bột xộp tại nhà xưởng số 3.
- Thông số giám sát: Bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, Amoniac và các hợp chất của Amonoi, Kẽm và các hợp chất (tính theo Zn), Toluene,...
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B và QCVN 20:2009/BTNMT.

##### **c. Nước thải**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát chung của khu công nghiệp Vân Trung.
- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng Photpho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B.

**8. Công trình bảo vệ môi trường đã được thay đổi, điều chỉnh so với nội dung phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM**

Không điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

**9. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Đối với các công trình bảo vệ môi trường chưa được xác nhận hoàn thành: Phải tiếp tục đầu tư hoàn thiện các công trình xử lý chất thải tương ứng với các quy trình sản xuất của dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường; sau khi đầu tư hoàn thành phải vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho tổng thể dự án theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung, giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; thường xuyên vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi quy mô, công suất, công nghệ xử lý chất thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện việc điều chỉnh, thay đổi khi được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**越南社会主义共和国**

**独立--自由--幸福**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU**

**废料买卖合同**

Số 编号: 15122022/HDMB/Ry-KBG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

根据越南社会主义共和国国民议会于 2015 年 11 月 24 日通过的 91/2015/QH13 号《民法》，自 2017 年 01 月 01 日起生效;

- Căn cứ luật Thương Mại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 được Quốc Hội khóa 11 thông qua ngày 30/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006;

根据 2005 年 6 月 30 日第 11 届国会通过并于 2006 年 1 月 1 日生效的越南社会主义共和国的 36/2005/QH1 号贸易法;

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

根据越南社会主义共和国国会于 2020 年 11 月 17 日签发第 72/2020/QH14 号环境保护法，自 2022 年 1 月 1 日起生效;

- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

根据 2022 年 1 月 10 日第 08/2022/ND-CP 号法令，该法令详述了环境保护法的若干条款;

- Căn cứ vào Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

根据 2022 年 1 月 10 日第 02/2022/TT-BTNMT 号通知，详细说明了《环境保护法》若干条款的实施情况;

- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

根据相关法律法规的现行规定

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

基于双方的能力和需求。

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm:

今天, 2022 年 12 月 15 日, 我们包括:

**BÊN BÁN (Sau đây gọi là Bên A): CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

**卖方 (简称为甲方): 越南润阳科技有限公司**

Người đại diện/代表人 : Ông WEI ZHONG/魏忠 先生

Chức vụ/职务 : Tổng giám đốc/总经理

Địa chỉ  
地址 : Một phần Lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn  
Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.  
越南北江省越安县宁镇光州工业区 K(K1-7)地块。

Điện thoại/电话 : 02043663635

Mã số thuế/税号 : 2400874687

Tài khoản số  
银行账号 : 0731000926666- Ngân hàng TMCP Ngoại thương  
Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang  
0731000926666-开户行: 越南外商股份贸易银行-  
北江分行

**BÊN MUA (Sau đây gọi là Bên B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KB GREEN**

**买方 (简称为乙方): KB GREEN 环境有限公司**

Người đại diện/代表人 : Ông NGHIÊM ĐÌNH HUY/严亭辉 先生

Chức vụ/职务 : Giám đốc/经理

Địa chỉ  
地址 : Thôn Nghiêm Xá, Thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong,  
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
越南北宁省安丰县徐市镇严舍村。

Điện thoại/电话 : 0981562929

Mã số thuế/税号 : 2301078437

Tài khoản số  
银行账号 : 0281118882929 - Ngân hàng thương mại cổ phần  
Quân đội (MBBank) – chi nhánh Bắc Ninh  
军队股份贸易银行北宁分行

*Bên A, Bên B được gọi riêng là “Bên”, được gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”.*

(甲, 乙方分别称为“方”, 统称为“双方”或“各方”)

Hai Bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán phế liệu (sau đây gọi là Hợp đồng) với những điều khoản cụ thể như sau:

双方同意以下具体条款签署并执行本《废料买卖合同》（“合同”）：

## **ĐIỀU 1: CHUNG LOẠI PHẾ LIỆU VÀ ĐƠN GIÁ THU MUA**

### **第一条：废料种类和回收单价：**

Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua phế liệu (sau đây gọi là hàng hóa) của Bên A theo quy định của Hợp đồng này. Danh mục hàng hóa, giá cả được hai Bên thỏa thuận trong Phụ lục Hợp đồng đính kèm và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

甲方同意出售、乙方同意按本合同的约定购买/回收甲方的废料（亦称“货物”）。废料清单和价格由双方在所附合同附录中约定，是本合同不可分割的一部分。

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh phế liệu khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho các loại phế liệu phát sinh.

在本合同履行过程中，如产生其他的废料种类，双方将对增加的各类废料补充新的合同附录。

Đơn giá thu mua của từng loại phế liệu được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi các Bên phải gửi công văn hoặc báo giá cho Bên còn lại để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

各类废料的采购单价见所附合同附录，可根据市场价格变动。当有变更提出时，双方必须向另一方发送正式信函或报价，供双方讨论和同意。价格如有任何变动，双方将在合同附录中达成一致。

## **ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO HÀNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN:**

### **第二条：地点，交货时间和运输工具：**

#### **1. Địa điểm giao hàng/ 交货地点：**

- Tại kho chứa phế liệu của Bên A và các địa điểm khác do Bên A chỉ định trong phạm vi nhà máy của Bên A tại Việt Nam.

在甲方的废料仓库和在甲方厂房范围里指定的区域

- Địa chỉ: Một phần Lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

地址：越南北江省越安县宁镇光州工业区 K(K1-7)地块。

#### **2. Thời gian giao nhận / 交接时间：**

- Bên A thông báo thời gian giao nhận hàng hóa cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để hai Bên có thời gian chuẩn bị cho việc bàn giao hàng hóa.



交接时间: 甲方应至少提前 01 天通知乙方交接货物货物的时间, 以便乙方有时间准备。

- Bên B bố trí, sắp xếp nhận hàng hóa theo thời gian Bên A thông báo.

乙方按照甲方通知的时间安排接收货。

- Trường hợp có sự thay đổi thời gian giao nhận hàng hóa, Bên thay đổi phải thông báo cho Bên kia được biết trước khi đến thời gian hai bên đã thống nhất trước đó và thống nhất lại thời gian giao nhận hàng hóa.

若对接收货物的时间发生变更的, 发生变更一方必须在双方约定的时间前通知对方, 并重新确认接收货物的时间。

### **3. Phương tiện vận chuyển 运输工具:**

- Bên B sắp xếp phương tiện vận chuyển và nhân công phù hợp với từng đợt thu mua.

乙方为每次回收安排合适的运输工具和劳动力。

- Chi phí nhân công bốc xếp, vận chuyển hàng hóa do Bên B chịu.

装卸、运输货物的人工费用由乙方承担

### **ĐIỀU 3: CỌC HỢP ĐỒNG**

#### **第三条 合同押金**

- Ngay sau khi Hợp đồng ký kết, Bên B chuyển tiền đặt cọc Hợp đồng vào tài khoản ngân hàng của Bên A với số tiền 40,000,000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn.)

- 合同签订后, 乙方将合同押金金额为 40,000,000 越南盾转款到甲方银行账户 (金额大写: 肆仟万越南盾)。

- Thông tin tài khoản ngân hàng thụ hưởng của bên A:

甲方银行账户信息:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam

收款单位: 越南润阳科技有限公司

Số tài khoản: 0731000926666

银行账号: 0731000926666

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang

开户行: 越南外商股份贸易银行-北江分行

- Số tiền đặt cọc là Khoản tiền mà bên B chuyển cho bên A nhằm đảm bảo thực hiện đúng trách nhiệm Hợp đồng của bên mua. Số tiền đặt cọc Hợp đồng này sẽ được bên A chuyển khoản trả lại vào tài khoản ngân hàng của bên B vào ngày Hợp đồng hết hiệu lực.

- 押金是乙方为确保正确履行合同买方责任的而转给甲方的保证金额。本合同押金将于合同到期日由甲方转回乙方银行账户。

- Trong thời hạn hợp đồng, trường hợp hàng tháng Bên B không thanh toán cho bên A đúng thời hạn, bên A sẽ khấu trừ vào tiền cọc Hợp đồng. Sau đó, Bên B phải bù đủ khoản tiền đặt cọc thì bên A mới tiếp tục giao hàng cho bên B.

- 合同期内, 如乙方未按时向甲方付款, 甲方将从合同押金中扣除。乙方必须补足押金后, 甲方才继续向乙方发货。

#### **ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN:**

##### **第三条: 付款条款和付款时限:**

###### **4.1. Điều khoản thanh toán 付款条款:**

- Thời gian chốt Bảng tổng hợp khối lượng: Trong vòng 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng kế tiếp, Bên B gửi bảng kê chi tiết khối lượng phế liệu thu mua và số tiền thu mua phát sinh trong tháng trước để Bên A đối chiếu, xác nhận.

- Thời gian xuất hóa đơn: Bên A xuất hoá đơn trong vòng 05 ngày kế tiếp kể từ ngày hai bên xác nhận Bảng tổng hợp khối lượng phế liệu.

###### **4.2. Phương thức thanh toán 付款方式:**

- Thanh toán bằng Chuyển khoản.

银行转款

###### **4.3. Thời hạn thanh toán 付款时限:**

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% chi phí thu mua phế liệu của tháng trước đó cho bên A trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày bên B nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ thanh toán hợp lệ của bên A.

从乙方齐全收到甲方全部有效发票及付款文件之日起 5 个工作日内, 乙方向甲方支付上月 100%废料回收的费用。

###### **4.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.**

付款货币: 越南盾。

#### **ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

##### **第四条: 各方的权利和义务**

###### **5.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A 甲方的权利和义务:**

- Giao hàng cho Bên B theo đúng tên hàng hóa, đúng thời gian và địa điểm như trong Hợp đồng.

按照合同规定的货物名称、时间和地点将货物交付给乙方。

- Phối hợp giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong thời gian thực hiện hợp đồng.

协调及时解决合同履行过程中出现的问题和问题。

- Không chịu trách nhiệm đối với các loại phế liệu trong danh mục thu mua ghi trong Phụ lục hợp đồng này đã bàn giao cho bên B.

无需对本合同附录所列且已交付给乙方的各类废料承担相关责任。

- Bố trí đại diện giám sát quá trình giao nhận hàng hóa giữa hai bên. Hướng dẫn các thủ tục xuất nhập trong nhà máy, khu công nghiệp để thuận lợi cho bên B ra, vào giao nhận hàng hóa trong khả năng của mình.

安排一名代表监督双方之间废物的运送和交接。在能力范围内, 指导工厂和工业园区的进出口程序, 以方便乙方的出入。

- Ký kết Biên bản bàn giao hàng hóa với Bên B khi giao hàng xong.

交接完毕时与乙方签订交接记录。

- Xuất hóa đơn chứng từ hợp lệ cho Bên B.

向乙方开具有效发票单据。

- Hợp đồng này được ký kết không loại trừ quyền của Bên A trong việc hợp tác kinh doanh với một đơn vị tương tự khác và trong thời hạn thực hiện Hợp đồng này, Bên A có quyền thông báo chấm dứt Hợp đồng này cho Bên B trước 30 ngày, mà không phải chịu bất cứ vi phạm hợp đồng nào.

- 本合同的签订不排除甲方与其他同类单位开展业务合作的权利, 在本合同履行期限内, 甲方有权提前 30 天通知乙方终止本合同, 无需承担任何违反合约责任。

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này sau khi hoàn tất đầy đủ các thủ tục công nợ, phạt vi phạm hợp đồng giữa hai bên.

- 如果乙方违反本合同的任何条款, 在双方完全完成违约的全部债务和处罚程序后, 甲方有权单方面解除合同。

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

法律规定的其他权利和义务。

## **5.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B 乙方的权利和义务:**

- Mỗi khi bên B đến nhận, vận chuyển phế liệu phải tuân theo đúng quy định mà bên A đặt ra, phù hợp theo các quy định pháp luật có liên quan. Nếu xảy ra sự cố Bên B tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường toàn bộ tổn thất gây ra cho Bên A và/hoặc Bên thứ ba (nếu có). Kịp thời thông tin cho Bên A các vấn đề phát sinh.

乙方每一次来接收、运输废料时要遵守甲方规定以及相关法律法规的规定。如发生事故, 乙方将承担全部责任, 并应赔偿由此给甲方和/或第三方(如有)造成的所有损失。应及时将发生的问题通知甲方。

- Mỗi lần bên B đến nhận, vận chuyển phế liệu phải đảm bảo dọn dẹp sạch sẽ khu vực nhận hàng hóa, đảm bảo công tác an toàn vệ sinh môi trường, không được để bừa bải và tồn đọng phế liệu gây ảnh hưởng đến môi trường và mỹ quan của bên A, không được gây ồn, mất trật tự làm ảnh hưởng đến việc sản xuất của bên A. Nhân viên của Bên B khi làm việc phải tuân thủ theo nội quy, quy chế của Bên A, Bên B bồi

thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Bên A và/hoặc bên thứ ba nếu phát sinh thiệt hại về người và tài sản của Bên A và/hoặc bên thứ ba do lỗi của Bên B gây ra.

乙方每次来接收、运输废料时要保证收拾打扫干净接收的地方并确保符合环保要求, 不允许积压废料, 影响到甲方的环境和美观、不允许吵闹影响到甲方的生产工作。乙方的人员必须遵守甲方的规章制度。因乙方原因给甲方和/或第三方的人员、财产造成损失的, 乙方应向甲方和/或第三方赔偿由此给甲方和/或第三方造成的全部损失。

- Bên B có trách nhiệm nhận, vận chuyển phế liệu đúng thời gian, địa điểm, số lượng và yêu cầu do hai bên thỏa thuận và yêu cầu của Bên A, ký xác nhận Biên bản bàn giao phế liệu trước khi vận chuyển, nếu không Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào, Bên B phải tự chịu mọi chi phí phát sinh và bồi thường thiệt hại cho Bên A.

乙方有责任按双方约定和甲方要求的时间、地点、数量进行接收、运输废料, 废料运输之前应签署废料移交记录, 否则甲方有权单方终止合同而无需承担任何责任, 乙方应自行承担产生费用并赔偿甲方的损失。

- Bên B có trách nhiệm cử cán bộ chuyên trách, kiểm tra lại số lượng, chủng loại và ký xác nhận Biên bản bàn giao hàng hoá với Bên A.

乙方负责指定专职人员, 进行核对数量和型号, 并与甲方签署交接货物记录。

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, phương tiện vận chuyển chuyên dụng, thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên liệu... để thực hiện và hoàn thành toàn bộ công việc quy định trong hợp đồng này. Người lao động của bên B phải được trang bị bảo hộ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

准备、安排人员、专用运输工具、设备、工具、原燃料等以实施并完成本合同中规定的相关工作。乙方的劳动者应依法装置相关劳动保护用品。

- Bên B phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, hồ sơ cho xe đến nhận, vận chuyển đi lại hợp pháp; bên B chịu trách nhiệm về rủi ro và những chi phí phát sinh trong quá trình nhận, vận chuyển phế liệu.

乙方要就废料接收、运输车辆准备合法资质、有效的证件, 乙方承担废料接收、运输过程中的风险及由此产生的费用。

- Bên B phải đảm bảo về an toàn và vệ sinh trong quá trình công tác.

工作过程中, 乙方要确保安全、卫生方面。

- Bên B cam kết có đầy đủ tư cách, năng lực pháp lý để thực hiện công việc nêu tại Hợp đồng này. Nếu không Bên B phải trực tiếp chịu mọi trách nhiệm và bồi thường cho Bên A thiệt hại phát sinh.

乙方承诺具备履行本合同项下工作的相应法律资质，否则，乙方必须直接承担一切责任，并赔偿由此给甲方造成的任何损失。

- Bên B tự chịu trách nhiệm với hàng hóa sau khi ký Biên bản giao nhận hàng hóa.

乙方在签收货物后对货物全权负责。

- Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A theo đúng Điều 4 của Hợp đồng này.

乙方负责按照本合同第三条的规定向甲方付款。

- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng này sau khi hoàn tất đầy đủ các thủ tục thanh toán hàng hóa và công nợ, phạt vi phạm hợp đồng giữa hai bên.

如果甲方违反本合同的任何条款，在双方履行完货款和债务支付、违约处罚等手续后，乙方有权单方面解除合同。

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

法律规定的其他权利和义务。

## **ĐIỀU 6. THỰC THI HỢP ĐỒNG:**

### **第五条： 合同执行：**

- Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.

本合同可经双方书面同意进行修改、补充。若某项目未包含在合同中，双方同意协商一致，对本合同进行增补。

- Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:

在下列情况下，合同将不再有效：

1. Hết hạn hợp đồng.

合同到期。

2. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.

越南法律有任何变化，或权威机关认为本合同无效。

3. Một trong hai Bên bị chấm dứt hoạt động, giải thể.

甲方或乙方停止活动或破产。

4. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.

乙方将经营地点给第三方，乙方更换所有者或将合同转让给第三方面没得到甲方的书面同意。

5. Thanh lý hợp đồng: Khi một trong hai bên có nhu cầu thanh lý Hợp đồng, hai Bên tiến hành đối soát, thanh toán hoàn thiện các khoản phí theo hợp đồng. Sau khi hai Bên hoàn thành nghĩa vụ của mình thì sẽ tiến hành ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng.

合同清算：当任何一方有需求对合同进行清理时，双方应进行对合同各项目进行核对，结清按照合同的各项费用。双方履行义务后，双方进行签订合同清理书。

## **ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG**

### **第七条：不可抗力**

- Định nghĩa về bất khả kháng: Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như động đất, bão, lũ, lụt, lở, sóng thần, hỏa hoạn, chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết trước được.

不可抗力定义：不可抗事件是客观发生的事件，即使采取了所有必要和允许的措施，如地震、风暴、洪水、火灾、战争等无法预见且无法补救，和其他不可预见的灾难

- Nếu một trong hai Bên, vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì điều kiện bất buộc do bị ảnh hưởng bởi một Bên khác theo hợp đồng mà không thể thực hiện được trách nhiệm, nghĩa vụ Hợp đồng của mình thì trong vòng 03 (ba) ngày sau khi sự cố xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo toàn bộ sự việc cho Bên kia bằng văn bản.

如任何一方因不可抗力事件或受合同另一方影响的强制性条件，不能在事件发生后 3 天内履行其在合同项下的责任和义务，受影响的一方必须将整个事件以书面形式通知另一方。

- Trường hợp công việc không thể thực hiện đúng tiến độ do sự kiện bất khả kháng thì thời gian thực hiện sẽ được gia hạn thêm 15 ngày. Nếu sự kiện Bất Khả Kháng đó diễn ra quá 15 ngày thì các bên có thể thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mà không bên nào bị phạt.

如因不可抗力事件无法如期开展工作，实施期间将再延长 15 天。如果此类不可抗力事件发生的时间超过 15 天，则当事各方可以同意终止合同，而不会受到任何一方的任何惩罚。

## **ĐIỀU 8. BẢO MẬT THÔNG TIN HỢP ĐỒNG:**

### **第五条： 合同信息保密**

- Các bên có trách nhiệm phải giữ kín tất cả những thông tin liên quan tới Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng, thông tin khách hàng mà mình nhận được từ phía Bên kia trong suốt thời gian của Hợp đồng.

双方有责任对本合同及其附录的相关信息，客户信息进行保密

- Mỗi Bên không được tiết lộ cho bất cứ Bên thứ ba nào khác những thông tin nói trên trừ trường hợp được chấp thuận bằng văn bản của Bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

本合同和有关合同的档和资料是签署合同方的私密档，未经过另一方的书面同意档，任何一方不能泄露给第三方（除了根据法律规定的情况以外）

- Mỗi Bên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng không một nhân viên nào hay bất cứ ai thuộc quản lý của mình vi phạm điều khoản này.

双方要保证所有人员或者属于自己管理的人不违反此保密条款

- Điều khoản này vẫn còn hiệu lực trong vòng 05 (năm) năm, ngay cả khi Hợp đồng này hết hiệu lực và hai bên không còn hợp tác.

此条款生效日期为 5 年，包括合同停止后双方不合作

## **ĐIỀU 9: PHẠT DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

### **第七条： 合同违约处罚条款**

- Nếu một trong hai bên vi phạm những điều khoản nêu trên, Bên vi phạm sẽ phải bồi thường cho Bên kia 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, đồng thời phải thanh toán toàn bộ giá trị phần thiệt hại đã gây ra cho Bên kia.

如果任何一方违反上述条款，违约方必须赔偿另一方合同违约义务价值的 8%，同时必须向另一方支付所造成损害的全部价值。

## **ĐIỀU 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG**

### **第六条： 解决纠纷**

- Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

本合同按越南社会主义共和国法律的有关规定进行调整。

- Hai bên cần chủ động theo dõi tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và cùng nhau bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi, thương lượng trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý (luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

与本合同条款有关的任何纠纷，首先双方本着友好、相互尊重精神协商解决。如果在 30 天之内双方不能自己解决问题则该问题将提上有管辖权的人民法院处理。使用的语言是越南语。双方的诉讼费用，包括请律师的合理费用将由败诉方承担。

## **ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

### **第七条：共同条款**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Hợp đồng, không đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng, bên nào vi phạm mà không có sự bàn bạc thống nhất (bằng văn bản) của cả hai bên sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

双方承诺严格执行本合同条款，不得单方面变更或解除合同，未经双方一致讨论（书面）的任何一方违约，将依法承担后果。

- Trong quá trình thực hiện hai bên phối hợp thường xuyên để thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn vướng mắc hai bên phải kịp thời thông báo và bàn bạc giải quyết (lập biên bản ghi toàn bộ nội dung phương án giải quyết).

在执行过程中，双方定期协调履行合同，如果出现困难和问题，双方必须及时通知并商量解决（将和解方案的全部内容记录在案）。

- Trong trường hợp phải lập thêm các phụ lục hợp đồng thì các phụ lục này được coi là một phần không tách rời của hợp đồng này.

如果必须附加合同附录，这些附录应被视为本合同不可分割的一部分。

- Các điều khoản không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản pháp luật về hợp đồng.

本合同中未列明的条款，由双方按照现行的合同规定和法律文件执行。

## **ĐIỀU 12: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

### **第八条：合同有效期**

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2023.

除合同另有约定外，本合同有效期从 2022 年 12 月 15 日至 2023 年 12 月 15 日。本合同自双方签字、盖印之日起有效。

- Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên, và văn bản này là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

本合同的所有补充、更改内容只在双方在书面上确认后才生效，该书面文件为本合同不可分割的部分。



- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (bản) bản để làm căn cứ thực hiện. Hợp đồng được lập song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Trung, lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本合同一式四份，具有同等的法律效力，双方各执 02 份。合同语言为中文和越南语，以越南语为准。



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**越南社会主义共和国**

**独立自由幸福**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**Số 01/15122022/HĐMB/RY-KBG**

Phụ lục hợp đồng số 01/15122022/HĐMB/RY-KBG là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU SỐ: 15122022/HĐMB/RY-KBG ký ngày 15 tháng 12 năm 2022. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

本合同 01/15122022/HĐMB/RY-KBG 附录是与 2022 年 12 月 15 日签订的 15122022/HĐMB/RY-KBG 号

废料购销合同不可分开的组成部分。合同条款还保留，不变。

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm:

今天, 2022 年 12 月 15 日, 我们包括:

**BÊN BÁN (Sau đây gọi là Bên A): CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

**卖方（简称为甲方）：越南润阳科技有限公司**

Người đại diện/代表人 : Ông WEI ZHONG/魏忠 先生

Chức vụ/职务 : Tổng giám đốc/总经理

Địa chỉ : Một phần Lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn  
地址 : Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

越南北江省越安县宁镇光州工业区 K(K1-7)地块。

Điện thoại/电话 : 02043663635

Mã số thuế/税号 : 2400874687

Tài khoản số : 0731000926666- Ngân hàng TMCP Ngoại thương  
银行账号 : Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang

0731000926666-开户行：越南外商股份贸易银行-北江分行

**BÊN MUA (Sau đây gọi là Bên B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KB GREEN**

**买方（简称为乙方）：**

Người đại diện/代表人 : Ông NGUYỄN ĐÌNH HUY/严亭辉 先生

Chức vụ/职务 : Giám đốc/经理

Địa chỉ : Thôn Nghiêm Xá, Thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong,  
地址 tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
越南北宁省安丰县徐市镇严舍村。

Điện thoại/电话 : 0981562929

Mã số thuế/税号 : 2301078437

Tài khoản số : 0281118882929 - Ngân hàng thương mại cổ phần  
银行账 Quân đội (MBBank) – chi nhánh Bắc Ninh  
军队股份贸易银行北宁分行

Hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng số 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG theo các điều khoản sau:

双方统一按以下条款签订 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG 号合同附录:

**Danh mục phế liệu và đơn giá thu mua:**

**废料采购清单和采购单价:**

序号 STT	名称 Tên	单位 Đơn vị tính	单价 Đơn giá (VNĐ)
1	Gỗ phế liệu 木质废料	Kg	800
2	Bìa carton, giấy vụn 纸箱, 碎纸	Kg	3,200
3	Ống nhựa 塑料管	Kg	8,500
4	Hạt nhựa vụn (chất thải đùn tấm nhựa) 碎塑料颗粒 (挤出废料)	Kg	4,000
5	Dây đai nhựa 塑料绑带	Kg	5,000
6	Các loại phế liệu nhựa khác (chai nhựa, thùng nhựa, ống nhựa PVC...) 其它塑料肥料 (塑料瓶, 塑料桶, PVC 管)	Kg	4,000
7	Sắt phế liệu 废铁	Kg	7,500
8	Đồng phế liệu (Lõi dây đồng) 废铜 (电缆芯)	Kg	135,000
9	Nhôm phế liệu 废铝	Kg	30,000
10	Túi Nilon 塑料袋子	Kg	8,000
11	Bao tải dứa 编织袋	Kg	2,500
12	Bao bì tải nhựa 塑料包装袋	Kg	5,000
13	Tấm nhựa xốp IXPE (các màu) IXPE 废片 (各种颜色)	Kg	650
14	Phế liệu nhựa xốp IXPE vụn (các màu) IXPE 零碎废料 (各种颜色)	Kg	450

374687  
CÔNG TY  
N.H.H  
N.YANG  
ENOLOC  
T NAM  
ÁC GIẢ

078437-C  
CÔNG TY  
TNHH  
ÔI TRƯỜNG  
B GREEN  
VH BẮC NINH

Ghi chú 备注:

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 8%

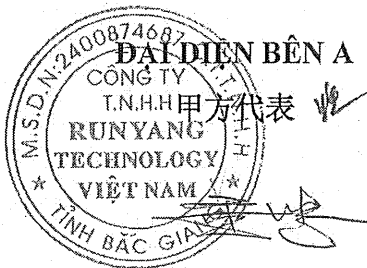
以上单价已含 8%税

- Giá trên là đơn giá Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng 8% cho bên B, bên B sẽ nhận, vận chuyển, chi trả tất cả chi phí liên quan đến việc thu mua, vận chuyển phế liệu, Bên B sẽ không tính thêm bất cứ chi phí nào khác.

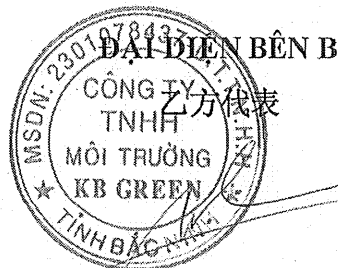
上述单价为甲方开具 8%增值发票的单价, 乙方负责接收、运输、并承担废料收买、运输所需要的全部费用, 乙方无需另行收费。

- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 (hai) bản. Phụ lục này được lập song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Trung, lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本附录从签字之日起生效, 壹式肆份越中文, 具有同等的法律效力。双方各执 2 份。本附录语言为中文和越南语, 以越南语为准。



ÔNG GIÁM ĐỐC  
WEI ZHONG



GIÁM ĐỐC  
NGHIÊM ĐÌNH HUY



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**越南社会主义共和国**

**独立自由幸福**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

Số 编号: 02/15122022/HĐMB/Ry-KBG

- Căn cứ Hợp đồng mua bán phế liệu số 15122022/HĐMB/Ry-KBG và Phụ lục Hợp đồng số 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG ký ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam và công ty TNHH Môi trường KB Green

- 根据越南润阳科技有限公司与 KB GREEN 环境有限公司于 2022 年 12 月 15 日签署的 15122022/HĐMB/Ry-KBG 编号废料买卖合同和 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG 编号合同附录。

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2023, chúng tôi gồm:

今天, 2023 年 01 月 12 日, 我们包括:

**BÊN BÁN (Sau đây gọi là Bên A): CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

**卖方 (简称为甲方): 越南润阳科技有限公司**

Người đại diện/代表人 : Ông WEI ZHONG/魏忠 先生

Chức vụ/职务 : Tổng giám đốc/总经理

Địa chỉ : Một phần Lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nễn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.  
地址 越南北江省越安县宁镇光州工业区 K(K1-7)地块。

Điện thoại/电话 : 02043663635

Mã số thuế/税号 : 2400874687

Tài khoản số : 0731000926666- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt  
银行账号 Nam - Chi nhánh Bắc Giang

0731000926666-开户行: 越南外商股份贸易银行-北江分行

**BÊN MUA (Sau đây gọi là Bên B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KB GREEN**

**买方 (简称为乙方): KB GREEN 环境有限公司**

Người đại diện/代表人 : Ông NGHIÊM ĐÌNH HUY/严亭辉 先生

Chức vụ/职务 : Giám đốc/经理

Địa chỉ : Thôn Nghiêm Xá, Thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh  
地址 Bắc Ninh, Việt Nam.

越南北宁省安丰县徐市镇严舍村。

Điện thoại/电话 : 0981562929  
Mã số thuế/税号 : 2301078437  
Tài khoản số : 0281118882929 - Ngân hàng thương mại cổ phần Quân  
银行账 队 (MBBank) – chi nhánh Bắc Ninh  
军队股份贸易银行北宁分行

Hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng số 02/15122022/HĐMB/Ry-KBG  
theo các điều khoản sau:

双方统一按以下条款签订 02/15122022/HĐMB/Ry-KBG 号合同附录:

**Điều 1: Nội dung**

**第一条: 内容**

- Sửa đổi Phụ lục Hợp đồng số 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG:

修改 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG 编号合同附录:

+ Điều chỉnh đơn giá danh mục phế liệu về đơn giá không bao gồm thuế VAT.

废料单价调整为未含增值税单价

+ Điều chỉnh giá hạng mục phế liệu số 4

调整第四项目废料单价

“4. Hạt nhựa vụn (chất thải đùn tấm nhựa)”.

“4. 碎塑料颗粒 (挤出废料)”

**Danh mục phế liệu và đơn giá thu mua sau khi điều chỉnh cụ thể như sau:**

**废料采购清单和采购单价:**

序号 STT	名称 Tên	单位 Đơn vị tính	单价 Đơn giá (VNĐ)
1	Gỗ phế liệu 木质废料	Kg	736
2	Bìa carton, giấy vụn 纸箱, 碎纸	Kg	2,944
3	Ống nhựa 塑料管	Kg	7,820
4	Hạt nhựa vụn (chất thải đùn tấm nhựa) 碎塑料颗粒 (挤出废料)	Kg	900
5	Dây đai nhựa 塑料绑带	Kg	4,600
6	Các loại phế liệu nhựa khác (chai nhựa, thùng nhựa, ống nhựa PVC...) 其它塑料肥料 (塑料瓶, 塑料桶, PVC 管)	Kg	3,680
7	Sắt phế liệu 废铁	Kg	6,900
8	Đồng phế liệu (Lõi dây đồng) 废铜 (电缆芯)	Kg	124,200
9	Nhôm phế liệu 废铝	Kg	27,600



10	Túi Nilon 塑料袋子	Kg	7,360
11	Bao tải dứa 编织袋	Kg	2,300
12	Bao bì tải nhựa 塑料包装袋	Kg	4,600
13	Tấm nhựa xốp IXPE (các màu) IXPE 废片 (各种颜色)	Kg	598
14	Phế liệu nhựa xốp IXPE vụn (các màu) IXPE 零碎废料 (各种颜色)	Kg	414

Ghi chú 备注:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

以上单价未含增值税。

- Giá trên là đơn giá mà bên B sẽ nhận, vận chuyển, chi trả tất cả chi phí liên quan đến việc thu mua, vận chuyển phế liệu, Bên B sẽ không tính thêm bất cứ chi phí nào khác.

上述单价为价乙方负责接收运输、并承担废料收买、运输所需要的全部费用，乙方无需另行收费。

## **Điều 2: Hiệu lực Phụ lục hợp đồng**

- Phụ lục hợp đồng số 02/15122022/HĐMB/Ry-KBG là một phần không thể tách rời của Hợp đồng mua bán phế liệu số: 15122022/HĐMB/Ry-KBG ký ngày 15 tháng 12 năm 2022. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

本合同 02/15122022/HĐMB/Ry-KBG 附录是与 2022 年 12 月 15 日签订的 15122022/HĐMB/Ry-KBG 号 废料购销合同不可分开的组成部分。合同条款还保留，不变。

- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

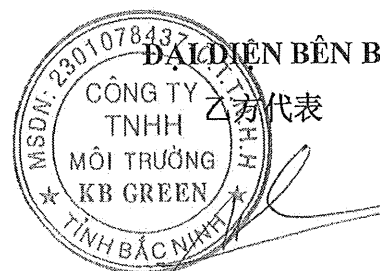
本附录从签字之日起生效，壹式肆份越中文，具有同等的法律效力，双方各执 2 份。

- Phụ lục này được lập song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Trung, lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本附录语言为中文和越南语，以越南语为准。



KÔNG GIAM ĐỐC  
WEI ZHONG 3



GIÁM ĐỐC  
NGHIÊM ĐÌNH HUY



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**越南社会主义共和国**

**独立自由幸福**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

Số **biên** số: 03/15122022/HĐMB/Ry-KBG

- Căn cứ Hợp đồng mua bán phế liệu số 15122022/HĐMB/Ry-KBG và Phụ lục Hợp đồng số 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG ký ngày 15 tháng 12 năm 2022; Phụ lục hợp đồng số 02/15122022/HĐMB/Ry-KBG ký ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam và công ty TNHH Môi trường KB Green.

- 根据越南润阳科技有限公司与 KB GREEN 环境有限公司于 2022 年 12 月 15 日签署的 15122022/HĐMB/Ry-KBG 编号废料买卖合同和 01/15122022/HĐMB/Ry-KBG 编号的合同附录;以及于 2023 年 1 月 12 日签署 02/15122022/HĐMB/Ry-KBG 编号的合同附录

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

基于双方的能力和需求。

Hôm nay, ngày 22 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm:

今天, 2023 年 03 月 22 日, 我们包括:

**BÊN BÁN (Sau đây gọi là Bên A): CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

**卖方 (简称为甲方): 越南润阳科技有限公司**

Người đại diện/代表人 : Ông WEI ZHONG/魏忠 先生

Chức vụ/职务 : Tổng giám đốc/总经理

Địa chỉ : Một phần Lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh,  
地址 : huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.  
越南北江省越安县宁镇光州工业区 K(K1-7)地块。

Điện thoại/电话 : 02043663635

Mã số thuế/税号 : 2400874687

Tài khoản số : 0731000926666- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt  
银行账号 : Nam - Chi nhánh Bắc Giang  
0731000926666-开户行: 越南外商股份贸易银行-北江分行

**BÊN MUA (Sau đây gọi là Bên B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KB GREEN**

**买方 (简称为乙方): KB GREEN 环境有限公司**

Người đại diện/代表人 : Ông NGHIÊM ĐÌNH HUY/严亭辉 先生

Chức vụ/职务 : Giám đốc/经理



Địa chỉ : Thôn Nghiêm Xá, Thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh  
地址 北平, 越南。  
越南北平省安丰县徐市镇严舍村。  
Điện thoại/电话 : 0981562929  
Mã số thuế/税号 : 2301078437  
Tài khoản số : 0281118882929 - Ngân hàng thương mại cổ phần Quân  
银行账 队 (MBBank) – chi nhánh Bắc Ninh  
军队股份贸易银行北平分行

Hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng số 03/15122022/HĐMB/Ry-KBG theo các điều khoản sau:

双方统一按以下条款签订 03/15122022/HĐMB/Ry-KBG 号合同附录:

**Điều 1: Nội dung**

**第一条: 内容**

- Bổ sung danh mục phế liệu và đơn giá phế liệu.

补充废料清单和废料单价

**Danh mục phế liệu và đơn giá thu mua cụ thể như sau:**

**废料采购清单和采购单价:**

序号 STT	名称 Tên	单位 Đơn vị tính	单价 Đơn giá (VNĐ)
1	Pallet nhựa phế liệu 废塑料托盘	Kg	6000

Ghi chú 备注:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

以上单价未含增值税。

- Giá trên là đơn giá mà bên B sẽ nhận, vận chuyển, chi trả tất cả chi phí liên quan đến việc thu mua, vận chuyển phế liệu, Bên B sẽ không tính thêm bất cứ chi phí nào khác.

上述单价为价乙方负责接收运输、并承担废料收买、运输所需要的全部费用，乙方无需另行收费。

**Điều 2: Hiệu lực Phụ lục hợp đồng**

- Phụ lục hợp đồng số 03/15122022/HĐMB/Ry-KBG là một phần không thể tách rời của Hợp đồng mua bán phế liệu số: 15122022/HĐMB/Ry-KBG ký ngày 15 tháng 12 năm 2022. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

本合同 03/15122022/HĐMB/Ry-KBG 附录是与 2022 年 12 月 15 日签订的 15122022/HĐMB/Ry-KBG 号 废料购销合同不可分开的组成部分。合同条款还保留，不变。

- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

本附录从签字之日起生效，壹式肆份越中文，具有同等的法律效力，双方各执 2 份。

- Phụ lục này được lập song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Trung, lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本附录语言为中文和越南语，以越南语为准。

ĐẠI DIỆN BÊN A



甲方代表

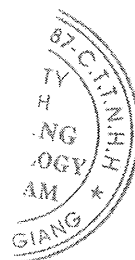
TRƯỞNG GIÁM ĐỐC  
WEI ZHONG

ĐẠI DIỆN BÊN B



乙方代表

GIÁM ĐỐC  
NGHIÊM ĐÌNH HUY





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

独立-自由-幸福

-----\*\*\*-----

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 09 năm 2021

北宁省, 2021 年 09 月 06 日

## HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

### 废物收集、运输和处理合同

Số: 06.09-2021/HĐXL/HP-RT

编号: 06.09-2021/HĐXL/HP-RT

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

根据越南社会主义共和国国会第 XI 届第 7 次会议 2015 年 11 月 24 日通过的第 91/2015/QH13 号民法;

Căn cứ vào Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

根据越南社会主义共和国国会第 XI 届第 7 次会议 2005 年 6 月 14 日通过的第 36/2005/QH11 号商业法;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;

根据越南社会主义共和国国会颁发且自 01/01/2015 生效的第 55/2014/QH13 号环保法;

Căn cứ vào Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu có hiệu lực từ ngày 15/06/2015;

根据 24/04/2015 颁发且自 15/06/2015 生效关于废料和废物管理的第 38/2015/NĐ-CP 号议定;

Căn cứ vào Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/07/2019;

根据 13/05/2019 颁发且自 01/07/2019 生效关于修改补充各仔细议定规定的一些条款。转达执法保护环境律的第 40/2019/ND-CP 议定号;

Căn cứ vào Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại;

根据资源与环境部 30/06/2015 颁发关于危害废物管理规定的第 36/2015/TT-BTNMT 号通知;



Căn cứ vào năng lực của Công ty TNHH Môi trường Đô thị Hùng Phát và nhu cầu của Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

根据雄发城市环境有限责任公司的能力和---公司的需求：

Hôm nay, ngày 06/09/2021, tại Văn phòng công ty TNHH Môi trường Đô thị Hùng Phát. Chúng tôi gồm:

今日，2021年09月06日，在雄发城市环境有限责任公司的办公室，我们包括：

**1-BÊN A: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

甲方：越南润阳科技有限公司

- Đại diện : Ông Wei Zhong

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

代表人：魏忠先生 职务：总经理

- Địa chỉ: Một phần lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

地址：越南北江省越安县宁镇光州工业区 K (k1-7)地块

- Điện thoại :

电话号码：

- Mã số thuế : 2400874687

税号：2400874687

- Số tài khoản: 0731000926666 – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang

账号：0731000926666—开户行：越南外商股份贸易银行—北江分行

**2 - BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÙNG PHÁT:**

乙方：雄发城市环境有限责任公司

- Người đại diện: Ông Đàm Thận Cường

Chức vụ: Giám Đốc

代表人：谭顺强先生

职务：经理

- Địa chỉ nhà máy: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

工厂地址：北宁省,桂武县,府浪公社,同柴村

- Điện thoại: 02223.624.899

Fax: 02223.624.899

电话号码：02223 624.899

传真号码: 02223.624.899

- Mã số thuế: 2300542744

税号：2300542744

- Tài khoản số: 2603201005880 tại Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh 2.

账号：2603201005880，开户行：越南农业与农村发展银行-北宁2分行。

**Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:**

**双方同意以以下条款签署合同：**

**Điều 1: Nội dung công việc**

08746  
CÔNG  
T.N.T  
RUNY  
TECHN  
VIỆT  
NAM BẮC

# 第 1 条：工作内容

Bên A đồng ý thuê bên B thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải của bên A như bảng sau:

甲方同意租借乙方收集，运输和处理甲方的废物如下表：

TT 序号	Loại chất thải 废料种类	Trạng Thái 状态	Mã CTNH 危险废物代码	Ghi chú 备注
1	Rác sinh hoạt/生活废弃物	Rắn 固体	-	Thiêu đốt 焚烧
2	Rác thải công nghiệp thông thường 工业废物	Rắn 固体	-	Thiêu đốt, hoá rắn 焚烧
3	Nước thải bể phốt 化粪池废水	Lỏng 液体	-	Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải 处理废水
4	Bóng đèn huỳnh quang thải 灯管	Rắn 固体	16 01 06	Nghiên ép/ Hoá rắn 破碎
5	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ thải 手套，擦布，废油	Rắn 固体	18 02 01	Thiêu đốt, hoá rắn 焚烧
6	Dầu mỡ tổng hợp thải 废油	Lỏng 液体	17 02 03	Xử lý tại hệ thống tái chế dầu thải 在 废油再生系统 处理
7	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng 用过的吸收剂	Rắn 固体	03 02 07	Thiêu đốt, hoá rắn 焚烧
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại 金属排气包装	Rắn 固体	18 01 02	Súc rửa/ tái chế 清洁/回收
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại 塑料排气包装	Rắn 固体	18 01 03	Súc rửa/ tái chế 清洁/回收
10	Pin, ắc quy thải 排气电池	Rắn 固体	19 06 01	Nghiên ép/Hoá rắn 压制/固化
11	Bao bì mềm thải 含危害成分的软性包装	Rắn 固体	18 01 01	Thiêu đốt, hoá rắn 焚烧
12	Dung môi, nước thải lẫn sơn 溶剂、废水和油漆	Lỏng 液体	08 01 05	Thiêu đốt, hoá rắn 焚烧
13	Bùn cặn từ quá trình xử lý nước làm mát/废泥	Rắn 固体	03 02 08	Thiêu đốt, hoá rắn 焚烧
14	Hộp mực in thải 排气印墨盒	Rắn 固体	08 02 04	Thiêu đốt, hoá rắn 焚烧

15	Dầu truyền nhiệt thải 廢導熱油	Lỏng 液体	17 03 04	Xử lý tại hệ thống tái chế dầu thải 在 废油再生系统 处理
----	-------------------------------	------------	----------	--

**Điều 2: Địa điểm, tần suất và thời gian giao nhận.**

**第二条：废物移交地点、频率和时间**

1 - Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa phế liệu của bên A (Một phần lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam)

废物移交地点：在甲方的废料仓库

(越南北江省越安县宁镇光州工业区 K (k1-7)地块)

2 - Địa điểm lưu trữ và xử lý: Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại (thôn Đồng Sài - xã Phù Lãng - huyện Quế Võ - tỉnh Bắc Ninh).

废料储存处理地点：危险生活废物和工业废物处理工厂（北宁省-桂武县-府浪公社-同柴村）。

3 - Tần suất và thời gian giao nhận: Ngày cụ thể được hai bên thống nhất trước 02 ngày.

废物移交频率和时间：具体日期由双方在 02 天之前商定。

**Điều 3: Phí thu gom, vận chuyển, xử lý và hình thức thanh toán**

**第 3 条：废物收集、运输和处理费用和付款方式**

3.1: Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Theo đơn giá trong phụ lục hợp đồng kèm theo và khối lượng thực tế theo biên bản giao nhận giữa hai bên.

废物收集、运输和处理费：根据附上的合同附录，实际数量根据双方的交接记录。

Trong quá trình thực hiện hợp đồng có vấn đề gì phát sinh hai bên sẽ thống nhất và bổ sung làm phụ lục hợp đồng.

合同执行过程中出现的任何问题将由双方作为合同附录达成一致并予以补充。

3.2: Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt

付款方式：银行转账或现金。

Thời hạn thanh toán: toàn bộ số tiền thanh toán ngay sau khi bên A nhận được đầy đủ hóa đơn và chứng từ CTNH hợp lệ theo qui định pháp luật.

付款期限：在甲方收到关于危险废物的所有有效发票和单据后立即支付全部款项。

**Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên**

**第 4 条：各方的责任**

*1 - Trách nhiệm của bên A*

*甲方的责任*

- Cử nhân viên của bên A xuống làm việc cùng bên B trong lúc chuyển giao chất thải.

*派遣工作人员在废料移交过程中与乙方合作。*

- Cung cấp cho bên B các giấy tờ có liên quan.

向乙方提供有关单据。

- Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải nguy hại (CTNH), không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác; bố trí nơi lưu giữ tạm thời CTNH an toàn; đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các bồn, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường. Hỗ trợ xe nâng để nâng những hàng hóa nặng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý.

甲方负责对危险废物 (HW) 进行分类, 不得让其与其他类型的危险废物相互混合;安排危险废物的安全临时贮存场所;将危险废物装在专用容器, 以满足安全和技术要求, 确保不泄漏、溢出或分散到环境中。支持安排叉车提升重物, 为收集、运输和搬运废物创造有利条件。

- Bên A cam kết chuyển giao chất thải cho bên B như đã thống nhất.

甲方承诺按约定向乙方移交废物。

- Bên A cam kết thanh toán như điều 3 của Hợp đồng.

甲方承诺按照合同第三条的规定付款。

## **2 - Trách nhiệm của bên B**

乙方的责任 :

- Bên B có trách nhiệm bốc xếp chất thải vào phương tiện vận chuyển của mình tại kho của bên A.

乙方负责在甲方仓库将废物装在自己的运输工具上。

- Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đã được cấp phép, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom vận chuyển cần tuân thủ theo quy định của bên A.

乙方负责按照越南现行法规使用合格和卫生专业运输工具运输甲方的废物。乙方收集和运输的车辆应符合甲方的规定。

- Bên B cam kết xử lý các loại chất thải đã nhận, vận chuyển của bên A theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.

乙方承诺按照越南环境法的规定处理甲方的废物。

- Hoàn thiện đầy đủ biên bản nghiệm thu xử lý, hoàn trả lại chứng từ CTNH cho bên A để bên A có căn cứ báo cáo chất thải định kỳ đúng theo Thông tư 36/2015/ Bộ TNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 về việc quản lý chất thải nguy hại.

完善验收记录，将单据提供甲方，让甲方根据自然资源和环境部 2015 年 6 月 30 日颁发关于危险废物管理的第 36/2015/TT-BTNMT 号通知制作危险废物的定期报告。

## **Điều 5: Cam kết chung**

### **第 5 条：一般承诺**

1 - Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng này.

双方承诺遵守本合同的规定。

2 - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện, nếu có vấn đề gì phát sinh cần phải giải quyết các bên kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo lợi ích cả hai bên.

双方要积极通知对方有关合同的履行进度，如有任何问题，各方必须及时通知对方，并在谈判和确保双方利益的基础上积极讨论和解决问题。

3 - Trường hợp có vấn đề tranh chấp, không tự giải quyết được thì hai bên sẽ khiếu nại tới Cơ quan có chức năng tỉnh Bắc Ninh để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan.

如果存在争议，则无法自行解决，双方将向北宁省的职能部门投诉，要求依法解决。败诉方要承担全部责任和费用。

4 - Khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được hai bên thống nhất và ký kết bằng phụ lục hợp đồng kèm theo các điều khoản chi tiết. Bất cứ sự tẩy xóa, sửa đổi nào đều không có hiệu lực.

合同发生变更时，必须经双方同意，并在合同附录中注明详细条款。合同的任何擦除或修改都是无效的。

5 - Trong thời gian thực hiện hợp đồng bên A không được phép xuất bất kì loại chất thải nào có trong hợp đồng cho một tổ chức hay cá nhân nào khác. Nếu sai, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước và bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm cho những việc có liên quan..

在履行合同期间，甲方不得将本合同中的任何废物供给其他组织或个人。如果违反合同的规定，乙方在不需要提前通知的条件下有权单方面终止合同，甲方对所有有关事情承担全部责任。

## **Điều 6: Hiệu lực hợp đồng**

### **第 6 条：合同的有效期**

1 - Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị từ ngày ký đến hết ngày 06/09/2022. Sau khi hết thời hạn hợp đồng trong vòng 07 ngày mà hai bên không có ý kiến gì thì hợp đồng tự động gia hạn trong năm tiếp theo.

合同自签字之日起至 2022 年 09 月 06 日生效。合同到期后 07 天内，若双方没有任何意见，合同自动生效 1 年。

2 - Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai bên A và B, không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.

本合同仅对甲方和乙方均有效，对任何其他第三方无效。

3 - Hợp đồng này gồm 07 trang 06 điều được lập thành 04 bản Song ngữ Việt - Trung, có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 bản và là cơ sở pháp lý để giải quyết khi có tranh chấp theo đúng luật pháp hiện hành. Nếu có tranh chấp sẽ dùng Tiếng Việt làm chuẩn để xử lý tranh chấp.

本合同包含 07 页，06 条，一式 04 份中文越南文，具有相同法律价值，每方各持 02 份作为根据现行法律解决争议的法律依据。若发生争议，将优先以越南文版本解决争议。

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

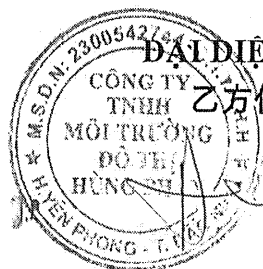
甲方代表人



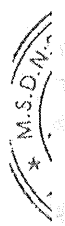
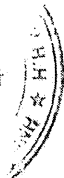
TỔNG GIÁM ĐỐC  
WEI ZHONG

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

乙方代表人



GIÁM ĐỐC  
ĐÀM THẬN CƯỜNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

独立-自由-幸福

-----\*\*\*-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

合同附录

Số: 01.06.09-2021/PLHD/HP-RT

编号: 01.06.09-2021/PLHD/HP-RT

Căn cứ hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 06.09-2021/HĐXL/HP-RT được ký ngày 06 tháng 09 năm 2021 giữa công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam và Công ty TNHH Môi trường Đô thị Hùng Phát.

是 06.09-2021/HĐXL/HP-RT 公司与雄发城市环境有限责任公司于 2021 年 09 月 06 签署的第 Runyang Technology Viet Nam 号废物收集、运输和处理合同。

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên  
根据双方的能力和需求

Hôm nay, ngày 06 tháng 09 năm 2021, chúng tôi gồm:

今日, 2021 年 09 月 06 日, 我们包括:

**2-BÊN A: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM**

甲方: 越南润阳科技有限公司

- Đại diện: Ông Wei Zhong

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

代表人: 魏忠先生

职务: 总经理

- Địa chỉ: Một phần lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

地址: 越南北江省越安县宁镇光州工业区 K (k1-7)地块

- Điện thoại:

电话号码:

- Mã số thuế: 2400874687

税号: 2400874687

- Số tài khoản: 0731000926666 – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang

账号: 0731000926666—开户行: 越南外商股份贸易银行—北江分行

**2 - BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÙNG PHÁT:**

乙方: 雄发城市环境有限责任公司

- Người đại diện: Ông Đàm Thận Cường

Chức vụ: Giám Đốc

代表人: 谭顺强先生

职务: 经理

- Địa chỉ nhà máy: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

工厂地址: 北宁省, 桂武县, 府浪公社, 同柴村





- Điện thoại: 02223.624.899

Fax: 02223.624.899

电话号码：02223 624.899

传真号码：02223.624.899

- Mã số thuế: 2300542744

税号：2300542744

- Tài khoản số: 2603201005880 tại Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh 2.

账号：2603201005880，开户行：越南农业与农村发展银行-北宁2分行。

Hai bên thống nhất ký kết bổ sung phụ lục hợp đồng với các điều khoản sau:

双方同意签署合同附录，内容如下

Điều 1: Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải chi tiết như sau:

第一条：废物收集、运输和处理单价详细如下：

TT 序号	Loại chất thải 废物类型	Trạng Thái 状态	Mã CTNH 危险废物代码	ĐVT 计算单位	Đơn giá (vnd) 单价 (越南盾)
1	Rác sinh hoạt/生活废弃物	Rắn 固体	-	Kg	2.000
2	Rác thải công nghiệp thông thường 工业废物	Rắn 固体	-	Kg	2.500
3	Nước thải bể phốt 化粪池废水	Lỏng 液体	-	Kg	1.800
4	Bóng đèn huỳnh quang thải 灯管	Rắn 固体	16 01 06	Kg	2.500
5	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ thải 手套，擦布，废油	Rắn 固体	18 02 01	Kg	3.000
6	Dầu mỡ tổng hợp thải 废油	Lỏng 液体	17 02 03	Kg	2.000
7	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng 用过的吸收剂	Rắn 固体	03 02 07	Kg	3.000
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại 金属排气包装	Rắn 固体	18 01 02	Kg	1.500
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại 塑料排气包装	Rắn 固体	18 01 03	Kg	1.500
10	Pin, ắc quy thải 排气电池	Rắn 固体	19 06 01	Kg	3.000
11	Bao bì mềm thải 含危害成分的软性包装	Rắn 固体	18 01 01	Kg	2.000

12	Dung môi, nước thải lẫn sơn 溶劑、廢水和油漆	Lỏng 液体	08 01 05	Kg	3.000
13	Bùn cặn từ quá trình xử lý nước làm mát/废泥	Rắn 固体	03 02 08	Kg	3.000
14	Hộp mực in thải 排气印墨盒	Rắn 固体	08 02 04	Kg	3.000
15	Dầu truyền nhiệt thải 廢導熱油	Lỏng 液体	17 03 04	Kg	2.000

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%

以上单价未含 10 % 的增值税

Trường hợp chủ nguồn thải có phát sinh hàng hóa mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và bổ sung phụ lục hợp đồng.

如果废物来源所有者有新货物，双方将就处理方式和补充合同附录事项达成一致。

## Điều 2: Điều khoản chung

### 第 2 条：一般条款

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 06.09-2021/HĐXL/HP-RT. Các điều khoản khác của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

本合同附录是第 06.09-2021/HĐXL/HP-RT 号合同的组成部分。本合同的其他条款保持不变。

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.

本合同附录自签名之日起开始生效，一式 04 份越南文，具有相同的法律价值，每一方各持 02 份

ĐẠI DIỆN BÊN A  
甲方代表人  
CÔNG TY TNHH  
KUNYANG  
TECHNOLOGY  
VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
WEI ZHONG

ĐẠI DIỆN BÊN B  
乙方代表人  
CÔNG TY TNHH  
MÔI TRƯỜNG  
ĐÔ THỊ  
HÙNG PHẠ  
HUYEN PHONG - T. BẮC MIỀN  
GIÁM ĐỐC  
ĐÀM THẬN CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

独立—自由—幸福

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

### 合同附录

Số: 02.06.09-2021/PLHD/HP-RT

编号: 02. 06. 09-2021/PLHD/HP-RT

- Căn cứ hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 06.09-2021/HĐXL/HP-RT được ký ngày 06 tháng 09 năm 2021 giữa công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam và Công ty TNHH Môi trường Đô thị Hùng Phát.

- 根据 越南润阳科技有限公司与雄发都市环境有限责任公司于 2021 年 9 月 6 日签署的第 06. 09-2021/HDXL/HP-RT 号废物收集、运输和处理合同。

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

基于双方的能力和需求。

Hôm nay, ngày 12 tháng 09 năm 2022, chúng tôi gồm:

今天, 2022 年 09 月 12 日, 我们包括:

#### 1. BÊN A: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM

甲方: 越南润阳科技有限公司

Người đại diện/代表人 : Ông WEI ZHONG/魏忠 先生

Chức vụ/职务 : Tổng giám đốc/总经理

Địa chỉ : Một phần Lô K(K1-7), KCN Quang Châu, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

地址 : 越南北江省越安县宁镇光州工业区 K(K1-7)地块。

Điện thoại/电话 : 02043663635

Mã số thuế/税号 : 2400874687

Tài khoản số : 0731000926666- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang

银行账号 : 0731000926666-开户行: 越南外商股份贸易银行-北江分行

**2. BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÙNG PHÁT:**

**乙方: 雄发都市环境有限责任公司**

Người đại diện/代表人 : Ông Đàm Thận Cường/谭慎强先生

Chức vụ 职务 : Giám đốc/经理

Người được ủy quyền : Ông Hoàng Khánh Việt/ 黄庆越 先生  
( theo Giấy ủy quyền số 10/MTHP-GUQ )  
( 根据 10/MTHP-GUQ 委托书的被委托人 )

Chức vụ 职务 : Phó Giám đốc/副经理

Người được ủy quyền : Ông Nguyễn Xuân Phúc/ 阮春福 先生  
( theo Giấy ủy quyền số 03/2020/UQ-HP )  
( 根据 03/2020/UQ-HP 委托书的被委托人 )

Chức vụ 职务 : Phó Giám đốc/副经理

Địa chỉ nhà máy/ : Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc  
Ninh.

工厂地址 : 北宁省桂武县扶朗社同柴村

Điện thoại/电话 : 02223.624.899

Fax 传真号码 : 0223.624.899

Mã số thuế/税号 : 2300542744

Tài khoản số/ : 2603201005880 tại Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát  
triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh 2.

银行账号 : 2603201005880 开户行越南农业与农村发展银行北宁  
2 分行

Hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng số 02.06.09-2021/PLHD/HP-RT theo các điều khoản sau:

双方统一按以下条款签订 02. 06. 09-2021/PLHD/HP-RT 号合同附录:

**Điều 1: Nội dung**

**第一条: 内容**

- Danh mục chất thải, đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như Bảng 1 dưới đây:

2300:  
C.C.  
MÔI  
Đ  
HỮ  
V. H. O. A.

JB  
COT  
T.T  
UN  
CH  
T.C  
BA

废弃物清单、废弃物收运、处理单价如下表 1 所示：

**Bảng 1: Danh mục chất thải, đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải**

**表一：垃圾清单、垃圾收运处理单价**

TT 序号	Loại chất thải 废物类型	Trạng Thái 状态	Mã CTNH 危险废物 代码	ĐVT 计算 单位	Đơn giá (vnd) 单价 (越南盾)
1	Rác sinh hoạt 生活垃圾	Rắn 固体	-	公斤 Kg	2.000
2	Rác thải công nghiệp thông thường 一般工业垃圾	Rắn 固体	-	公斤 Kg	2.500
3	Nước thải bể phốt 化粪池废水	Lỏng 液体	-	公斤 Kg	1.800
4	Bóng đèn huỳnh quang thải 荧光灯泡	Rắn 固体	16 01 06	公斤 Kg	2.500
5	Dầu, mỡ tổng hợp thải (Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải) 废油和油脂（发动机、变速箱和润滑废油）	Lỏng 液体	17 02 03	公斤 Kg	2.000
6	Dầu truyền nhiệt thải (Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải) 导热废油（绝缘和导热废油）	Lỏng 液体	17 03 04	公斤 Kg	2.000
7	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, hóa chất (Găng tay, dẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại) 被油脂、化学品污染的手套、抹布（手套、抹布、防护布被有害成分污染）	Rắn 固体	18 02 01	公斤 Kg	3.000
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý khí thải 废气处理系统废水处理过程中含有有害成分的废污泥	Rắn 固体	12 06 05	公斤 Kg	3.000
9	Hộp mực in thải có thành phần	Rắn	08 02 04	公斤	3.000

1274

NG 1  
NH  
CRU  
TH  
PH

3.1.

4682

NG TY  
CH  
YAN  
OLO  
NAN

C GI

	nguy hại 含有有害成分的废墨盒	固体		Kg	
10	Bao bì mềm thải có chứa các thành phần nguy hại (bao bì phụ gia) 含有有害成分的废弃软包装（添加剂包装）	Rắn 固体	18 01 01	公斤 Kg	2.000
11	Mực in thải 废墨	Lỏng 液体	08 02 01	公斤 Kg	3.000
12	Bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại 含有有害成分的硬塑料包装	Rắn 固体	18 01 03	公斤 Kg	1.500
13	Bao bì kim loại cứng có chứa thành phần nguy hại 含有有害成分的金属包装	Rắn 固体	18 01 02	公斤 Kg	1.500
14	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải khi thay thế, thải bỏ 来自废气处理系统更换和处置时的活性炭	Rắn 固体	12 01 04	公斤 Kg	3.000
15	Pin, ắc quy thải 废电池	Rắn 固体	19 06 01	公斤 Kg	3.000

Ghi chú备注:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT/以上单价未含增值税。
  - Trường hợp chủ nguồn thải có phát sinh hàng hóa mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và bổ sung phụ lục hợp đồng.
- 如废物源产生新废物，双方将商定处理方案，并在合同中增加附件。

## Điều 2: Điều khoản chung

### 第二条: 一般条款

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 06.09-2021/HDXL/HP-RT. Các điều khoản khác của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

本合同附录是合同号 06.09-2021/HDXL/HP-RT 的组成部分。合同的其他条款保持不变。

- Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, Phụ lục hợp đồng số 01.06.09-2021/HDXL/HP-RT hết hiệu lực kể từ ngày Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực.

Y  
NG  
AT  
NG

CITIZEN  
GY  
NG

- 本合同附录自签署之日起生效，合同附录编号 01.06.09-2021/HDXL/HP-RT 自本合同附录生效之日起失效。

- Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

本附录壹式肆份，具有同等的法律效力，双方各执 2 份。

- Phụ lục này được lập song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Trung, lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本附录语言为中文和越南语双语，以越南语为准。







<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b>			
<b>BIÊN BẢN SỐ: TXLNT/HTHM/K1-7</b> <b>NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HÀNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG</b>			
<b>DỰ ÁN: NHÀ MÁY RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM</b> <b>HÀNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>			
<b>ĐỊA ĐIỂM: LÔ K (K1-7)- KHU CN QUANG CHÂU, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG, VIỆT NAM</b>			
<b>1. Đối tượng nghiệm thu:</b> - TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI Vị trí nghiệm thu: Trục (I-5) / (A- B).			
<b>2. Thành phần tham gia nghiệm thu:</b> 2.1 Đại diện của Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIETNAM. Ông ..... Chức vụ:..... 2.2 Đại diện của Tư vấn giám sát: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP Ông : Lê Công Hoàng Chức vụ: Giám đốc Ông : <u>Vũ Trí Bôn</u> Chức vụ: Giám sát thi công 2.3 Đại diện của Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG VINAINCON Ông : <u>Mỹ Ngọc Anh</u> Chức vụ: Giám đốc Ông : <u>Nguyễn Văn Quyền</u> Chức vụ: .....			
<b>3. Thời gian nghiệm thu :</b> - Bắt đầu: <u>14 h 00</u> ; ngày <u>22</u> tháng <u>08</u> năm 20 <u>21</u> - Kết thúc: <u>16 h 00</u> ; ngày <u>22</u> tháng <u>08</u> năm 20 <u>21</u> - Tại: Công trường xây dựng dự án Nhà máy Runyang technology Việt Nam.			
<b>4. Đánh giá công việc đã thực hiện:</b>			
<b>a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu</b>	<b>Đồng ý</b>	<b>Không đồng ý</b>	<b>Không áp dụng</b>
1. Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu số: TXLNT / HTNM / K1.7/ YCNT	√		
2. Hồ sơ thiết kế được phê duyệt bởi chủ đầu tư, bản vẽ triển khai bởi Chủ đầu tư / những thay đổi thiết kế (nếu có).	√		
3. Những tiêu chuẩn được áp dụng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- TCVN: 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung;</li> <li>- TCVN 4447:2012 Công tác đất. Quy phạm thi công và nghiệm thu;</li> <li>- TCVN 9361:2012 Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu;</li> <li>- TCVN 4516 : 1988 Hoàn thiện mặt bằng xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu;</li> <li>- TCVN 4453-1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu;</li> <li>- TCVN: 170: 2007 Kết cấu thép – Gia công, lắp ráp và nghiệm thu – Yêu cầu kỹ thuật;</li> <li>-TCVN 8053:2009 Tấm lợp dạng sóng – Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt;</li> <li>- TCVN 9377-1:2012: CÔNG TÁC HOÀN THIỆN TRONG XÂY DỰNG - THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU - PHẦN 1: CÔNG TÁC LÁT VÀ LĂNG TRONG XÂY DỰNG.</li> <li>- TCVN 9377-3:2012: CÔNG TÁC HOÀN THIỆN TRONG XÂY DỰNG - THI</li> </ul>	√		

<b>CÔNG VÀ NGHIỆM THU - PHẦN 3: CÔNG TÁC ỚP TRONG XÂY DỰNG.</b> - TCVN 9366-2:2012; CỬA ĐI, CỬA SỔ - PHẦN 2: CỬA KIM LOẠI. - Và các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.			
4. Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật	✓		
5. Biện pháp thi công được phê duyệt.	✓		
6. Các kết quả thí nghiệm vật liệu, thiết bị trong quá trình xây dựng	✓		
7. Các biên bản nghiệm thu công việc trong quá trình xây dựng	✓		
8. Nhật ký thi công và các văn bản liên quan.	✓		
9. Bản vẽ hoàn công (nếu có)	✓		

**b. Đánh giá chung:**

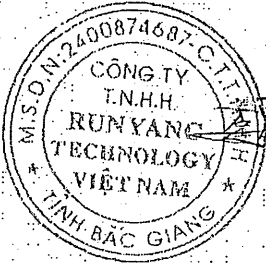

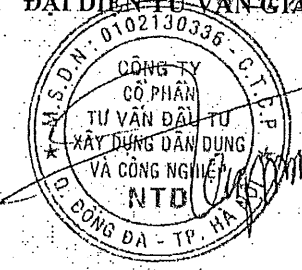
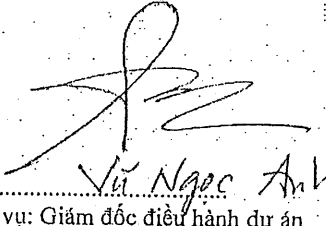
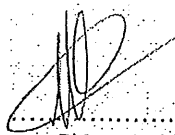
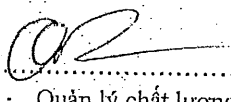
Chất lượng công việc xây dựng phù hợp với yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật, tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn và yêu cầu kỹ thuật có liên quan.

**c. Đánh giá về hồ sơ nghiệm thu:**

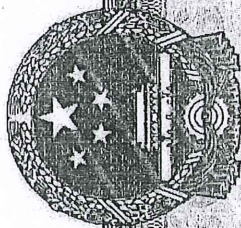
Hồ sơ nghiệm thu đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu của Hợp đồng và các quy định về quản lý chất lượng công trình.

**5. Kết luận:**

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ		ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	
			
Tên: ..... Chức vụ: Giám đốc		Tên: ..... Chức vụ: Tổng Giám đốc	
<b>ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT</b> 		<b>Đại diện Ban điều hành dự án xây dựng của Nhà thầu</b> 	
Tên: Lê Công Hoàng Chức vụ: Giám đốc		Chức vụ: Giám đốc điều hành dự án	
			
Tên: ..... Chức vụ: Giám sát thi công		Tên: ..... Chức vụ: Quản lý chất lượng	





# 营业执照

统一社会信用代码

913305223441377216 (1/1)



扫描二维码登录“国家企业信用信息公示系统”了解更多登记、备案、许可、监管信息

(副本)

名称 浙江长兴达能环保设备有限公司

类型 有限责任公司(自然人投资或控股)

法定代表人 乔泳奇

经营范围 废水处理设备、废气处理设备、消声设备、除尘设备、环保机械设备及零部件生产、销售、安装、环保工程设计、施工；塑料制品、金属制品、玻璃钢制品、五金、机电设备、水处理药剂(除危险化学品、易制毒化学品、监控化学品及专营产品)销售。  
(依法须经批准的项目，经相关部门批准后方可开展经营活动)

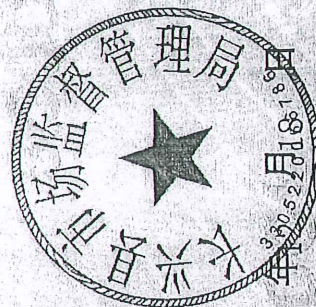
注册资本 叁仟万元整

成立日期 2015年07月06日

营业期限 2015年07月06日至2035年07月05日

住所 浙江省湖州市长兴县吕山乡工业集中区长吕路18号

登记机关



2020





**Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)**

Số tờ khai	<b>103928890920</b>	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A12	4 [ 4 ]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	8421
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		BACGIANGBN			Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	31/03/2021 11:32:49	Ngày thay đổi đăng ký	/	/	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /

&lt;01&gt;

Mã số hàng hóa	84213990	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[ ]
Mô tả hàng hóa	Hệ thống xử lý khí thải và phụ kiện, công suất: 132 kW, điện áp: 380V, năm sx: 2021, dùng trong sản xuất tấm trải sàn, hàng mới 100%,				

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	1	SET
Trị giá hóa đơn	129.721,72	Số lượng (2)	1	PCE
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	129.721,72 - USD	SET
Trị giá tính thuế (S)	2.984.896.777,2 VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	2.984.896.777,2 - VND -	SET
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

**Thuế và thu khác**

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	2.984.896.777,2 VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	298.489.678 VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 103546407532 Số tờ khai đầu tiên /  
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng  
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A12 2 [ 4 ] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 8421  
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai BACGIANGBN Mã bộ phận xử lý tờ khai 00  
Ngày đăng ký 22/09/2020 15:07:14 Ngày thay đổi đăng ký 28/09/2020 13:49:22 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>

Mã số hàng hóa 84213990 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi. [ ]  
Mô tả hàng hóa Hệ thống xử lý khí thải , công suất: 70 kW, điện áp: 380V, năm sx: 2020, sử dụng trong sản xuất tấm trải sàn, (thuộc danh mục số: 29/BG ngày 25/9/2020 ), hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	1	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)		
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	110.000 USD	SET
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	2.539.900.000 VND	-
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	2.539.900.000 VND	- SET
Thuế suất C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	0% -	
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	VND	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch	VND	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	2.539.900.000 VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	253.990.000 VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	





Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

103546407532

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A12 2 [ 4 ]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

8421

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

BACGIANGBN

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

22/09/2020 15:07:14

Ngày thay đổi đăng ký

28/09/2020 13:49:22

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<02>

Mã số hàng hóa

84212122

Mã quản lý riêng

Mã phân loại tái xác nhận gi.

[ ]

Mô tả hàng hóa


Hệ thống xử lý nước thải, công suất: 6000 lít/giờ (10kW), điện áp: 380V, năm sx: 2020, sử dụng trong sản xuất tấm trải sàn, (thuộc danh mục số: 30/BG ngày 25/9/2020), hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	1	SET
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)		
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	37.142,86	USD SET
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	857.628.637,4	- VND - SET
Thuế suất	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	0% -	
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	VND	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch	VND	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	857.628.637,4	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	85.762.864	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	



## Original

<b>1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)</b> ZHE JIANG RUN YANG NEW MATERIAL TECHNOLOGY INC. LVSHAN VILLAGE, LVSHAN TOWN, CHANGXING COUNTY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA P. C. 313105 TEL: 0086-572-6091928 FAX: 0086-572-6091252			<b>Reference No.</b> E200568557100021  <b>ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)</b>  <b>FORM E</b>  <b>Issued in</b> <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country)  See Overleaf Notes		
<b>2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)</b> VIETNAM RUNYANG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED PART OF BLOCK K (K1-7), QUANG CHAU INDUSTRIAL PARK, NINH TOWN, VIET YEN DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE, VIETNAM 2400874687 TEL: 0888162799			<b>4. For Official Use</b> Verification: origin.customs.gov.cn  <input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Given</u>  <input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</u>  ----- <b>Signature of Authorised Signatory of the Importing Party</b>		
<b>3. Means of transport and route (as far as known)</b>  <b>Departure date</b> SEP. 10, 2020 <b>Vessel's name / Aircraft etc.</b> AS FIONA V. 2019W <b>Port of Discharge</b> HAIPHONG, VIETNAM  FROM SHANGHAI, CHINA TO HAIPHONG, VIETNAM BY SEA					
<b>5. Item Number</b>	<b>6. Marks and numbers on packages</b>	<b>7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</b>	<b>8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</b>	<b>9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</b>	<b>10. Number, date of Invoices</b>
1	N/M	WASTE GAS TREATMENT EQUIPMENT H. S. CODE: 8421.21	"PE"	15400KGS G. W.	205102 SEP. 08, 2020
2		SEWAGE TREATMENT EQUIPMENT H. S. CODE: 8421.21	"PE"	15400KGS G. W.	
3		COLOR PRINTER H. S. CODE: 8443.17	"PE"	2000KGS G. W.	
4		FLOOR UNDERLAYMENT H. S. CODE: 3918.90  ALL ABOVE GOODS TOTAL PACKED IN ONE HUNDRED SEVENTEEN (117) CASES  *** **	"PE"	10841KGS G. W.	
<b>11. Declaration by the exporter</b>  The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <div style="text-align: center;">CHINA</div> ----- (Country)  and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to <div style="text-align: center;">ZHE JIANG RUN YANG NEW MATERIAL TECHNOLOGY INC</div> ----- (Importing Country)  Hangzhou, China, SEP. 16, 2020  ----- Place and date, signature of authorised signatory			<b>12. Certification</b>  It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  <div style="text-align: center;">           0000086154842       </div> Hangzhou, China, SEP. 16, 2020 ----- Place and date, signature and stamp of certifying authority		
<b>13.</b> <input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Movement Certificate <input type="checkbox"/> Third Party Invoicing					

194589126





# ASEAN SEAS LINE CO., LIMITED

SHIPPER(COMPLETE NAME, ADDRESS AND PHONE)  
ZHE JIANG RUN YANG NEW MATERIAL TECHNOLOGY INC  
LVSHAN VILLAGE, LVSHAN TOWN, CHANGXING COUNTY,  
ZHEJIANG PROVINCE, CHINA P.C. 313105  
P.C. 313105 TEL:0086-572-6091988 FAX:0086-572-6091252

BILL OF LADING NO. ASHVFH30193116

## Port-to-Port or Combine Transport

### BILL OF LADING

Received by the carrier as specified below in external apparent good order and condition unless otherwise stated. The total number of packages or units stuffed in the container, the description of the goods and the weights shown in this Bill of Lading are furnished by the merchants, and which the carrier has no reasonable means of checking and is not a part of this Bill of Lading contract. The goods shall be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and conditions whether written, typed, stamped, printed or incorporated on the front and reverse side hereof which the Merchant agrees to be bound by accepting this Bill of Lading, any local privileges and customs notwithstanding in witness whereof one (1) original Bill of Lading has been signed if not otherwise stated below, the same being accomplished the other(s), if any, to be void, if required by the carrier one (1) original Bill of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods or delivery order.

Telex Release  
BL Surrendered

Copy

CONSIGNEE(COMPLETE NAME, ADDRESS AND PHONE)  
2400874687  
#VIETNAM RUNYANG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED  
#PART OF BLOCK K (K1-7), QUANG CHAU INDUSTRIAL PARK, NENH TOWN,  
VIET YEN DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE, VIETNAM  
#TEL:0888162799

NOTIFY PARTY(COMPLETE NAME, ADDRESS AND PHONE)(It is agreed that no responsibilities shall be attached to the carrier or his agents for failure to notify)  
2400874687  
#VIETNAM RUNYANG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED  
#PART OF BLOCK K (K1-7), QUANG CHAU INDUSTRIAL PARK, NENH TOWN,  
VIET YEN DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE, VIETNAM  
#TEL:0888162799

PRE-CARRIAGE BY	PLACE OF RECEIPT
VESSEL/VOYAGE AS FIONA V. 2019W	PORT OF LOADING SHANGHAI
PORT OF DISCHARGE HAI PHONG, VIET NAM	PLACE OF DELIVERY HAI PHONG, VIET NAM

No. of Original Bills of Lading THREE

#### PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER BUT NOT ACKNOWLEDGED BY THE CARRIER

CONTAINER NO./SEAL NO. MARKS & NUMBERS	QUANTITY(FOR CUSTOMERS DECLARATION ONLY)	DESCRIPTION OF GOODS (SAID TO CONTAIN)	GROSS WEIGHT (KILOS)	MEASUREMENT (CU METRES)
N/M DFOU4004261 ASL2023339 SAXU4604224 NONE TEXU1511370 ASL2023337 TEXU1516074 ASL2023338 ZCSU6008879 NONE	117 PKGS	ENVIRONMENTAL PROTECTION EQUIPMENT#1SET:102PKGS#30800KGS# HS CODE:8421219990# COLOR PRINTER#1SET:1PKGS#2000KGS#HS CODE:8443170090# FLOOR UNDERLAYMENT#14PKGS#10841KGS#HS CODE:3918909000	43641.000 KGS.	253.140 CBM.
SHIPPED ON BOARD 3×400T 2×40FR CY-CY SHIPPER'S LOAD, COUNT AND SEAL, SAID TO CONTAIN			FREIGHT PREPAID	

TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGE(IN WORD) SAY ONE HUNDRED AND SEVENTEEN PKGS ONLY.

FREIGHT & CHARGES DELIVERY AGENT : BENLINE AGENCIES VIETNAM - HAIPHONG OFFICE C/O MARINE CONNECTIONS VIETNAM ROOM 810-8TH FLOOR-TD BUSSINESS CENTER LOT 20A- LE HONG PHONG - HAI PHONG - VIETNAM TEL: 84.31.3250106 FAX:84.31.3250057	RATE	UNIT	PREPAID	COLLECT
---	------	------	---------	---------

EXCESS VALUE DECLARATION	PREPAID AT	PAYABLE AT
--------------------------	------------	------------

TEMPERATURE CONTROL INSTRUCTION	SIGNED BY/ON BEHALF OF THE CARRIER ASEAN SEAS LINE CO., LIMITED
PLACE OF ISSUE SHANGHAI	
DATE OF ISSUE SEPTEMBER. 10, 2020	

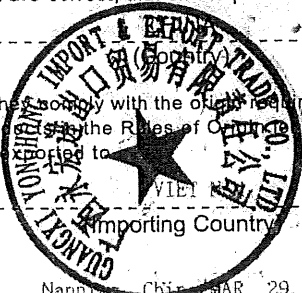
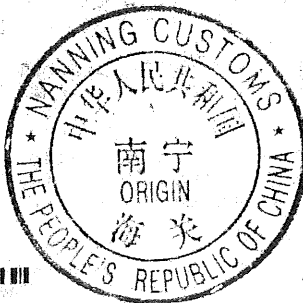
LADEN ON BOARD OF VESSEL  
DATE BY  
SEPTEMBER. 10, 2020

(Terms continued on the back hereof, please read carefully)

No. 1303107



# Original

<b>1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)</b> GUANGXI YONGHONG IMPORT & EXPORT TRADE CO., LTD. ADD: NO. 4, 3 BRANCH PINGSHAN ROAD, PINGXIANG CHONGZUO, GUANGXI, CHINA		<b>Reference No.</b> E217086605148150  <div style="text-align: center;"> <b>ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)</b> </div> <div style="text-align: center;"> <b>FORM E</b> </div> <b>Issued in</b> <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country)  See Overleaf Notes													
<b>2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)</b>  VIETNAM RUNYANG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED ADD: PART OF BLOCK K (K1-7), QUANG CHAU INDUSTRIAL PARK, NENH TOWN, VIET YEN DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE, VIETNAM		<b>4. For Official Use</b>  <input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Given</u>  <input type="checkbox"/> <u>Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</u>  Verification: origin.customs.gov.cn ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party													
<b>3. Means of transport and route (as far as known)</b>  Departure date                      MAR. 29, 2021  Vessel's name / Aircraft etc.    BY TRUCK  Port of Discharge                    HUU NGHI VIET NAM FROM PINGXIANG CHINA TO HUU NGHI VIET NAM BY TRUCK		<table border="1" style="width:100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width:10%;">5. Item Number</th> <th style="width:15%;">6. Marks and numbers on packages</th> <th style="width:30%;">7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</th> <th style="width:15%;">8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</th> <th style="width:15%;">9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</th> <th style="width:15%;">10. Number, date of Invoices</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">N/M</td> <td>           FIFTEEN (15) PACKAGES OF STATIC HIGH ENVIRONMENTAL PROTECTION EQUIPMENT            H.S. CODE: 8421.39            *** **         </td> <td style="text-align: center;">"PE"</td> <td style="text-align: center;">1SET</td> <td style="text-align: center;">215092 MAR. 25, 2021</td> </tr> </table>		5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices	1	N/M	FIFTEEN (15) PACKAGES OF STATIC HIGH ENVIRONMENTAL PROTECTION EQUIPMENT H.S. CODE: 8421.39 *** **	"PE"	1SET	215092 MAR. 25, 2021
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices										
1	N/M	FIFTEEN (15) PACKAGES OF STATIC HIGH ENVIRONMENTAL PROTECTION EQUIPMENT H.S. CODE: 8421.39 *** **	"PE"	1SET	215092 MAR. 25, 2021										
<b>11. Declaration by the exporter</b>  The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in  <div style="text-align: center;">  </div> and that they comply with the other requirements specified for these products in the Rules of Origin of the ACFTA for the products exported to  <div style="text-align: center;">         Viet Nam          Importing Country       </div> Nanning, China, MAR. 29, 2021 Place and date, signature of authorised signatory		<b>12. Certification</b>  It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  <div style="text-align: center;">  </div> Nanning, China, MAR. 29, 2021 Place and date, signature and stamp of certifying authority													
<b>13.</b> <input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Movement Certificate <input type="checkbox"/> Third Party Invoicing															

2011932172





浙江润阳新材料科技股份有限公司  
ZHE JIANG RUN YANG NEW MATERIAL TECHNOLOGY INC  
LVSHAN VILLAGE, LVSHAN TOWN, CHANGXING COUNTY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA  
P.C. 313105 TEL: 0086-572-6091988 FAX: 0086-572-6091252

# INVOICE

INVOICE NO.: 205102 PO# DATE: 8-Sep-20

Messrs: VIETNAM RUNYANG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED  
Part of Block K (K1-7), Quang Chau Industrial Park, Nenh Town, Viet Yen District,  
Bac Giang Province, Vietnam

Shipped from: SHANGHAI, CHINA To: HAIPHONG, VIETNAM Via:

Shipping date:

Payment by: T/T

CIF HAIPHONG, VIETNAM

Marks	Description	Quantity		UNIT PRICE	Amount
			PACKAGES	USD/STES	USD
N/M	Waste gas treatment equipment 废气处理设备	1 SETS	51	US\$110.000,00	US\$110.000,00
	Sewage treatment equipment 污水处理设备	1 SETS	51	US\$37.142,86	US\$37.142,86
	Color Printer 彩印机	1 SETS	1	US\$9.428,57	US\$9.428,57
	FLOOR UNDERLAYMENT 地垫	14 PACKAGES	14	US\$1.391,20	US\$19.476,80
	TOTAL : 2X40FR+3*40OT	16	117		US\$176.048,23
SAY TOTAL US DOLLARS ONE HUNDRED SEVENTY SIX THOUSAND FORTY EIGHT AND CENT TWENTY THREE ONLY					

浙江润阳新材料科技股份有限公司  
ZHE JIANG RUN YANG NEW MATERIAL TECHNOLOGY INC

